

UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH
CÔNG TY TNHH LÂM NGHIỆP HÀ THANH



Phương án quản lý rừng bền vững năm 2023

Vân Canh, tháng 6 năm 2023

MỤC LỤC

PHẦN 1.....	5
MỞ ĐẦU.....	5
1. Khái quát chung về công tác quản lý bảo vệ, phát triển rừng đảm bảo mục đích sử dụng rừng	5
CHƯƠNG 1.....	ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.
CĂN CỨ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN	ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.
I. CHÍNH SÁCH VÀ PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC.....	ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.
1. Văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương.....	<i>Error! Bookmark not defined.</i>
2. Văn bản của địa phương.....	<i>Error! Bookmark not defined.</i>
II. CAM KẾT QUỐC TẾ	ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.
III. TÀI LIỆU SỬ DỤNG	ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.
1. Tài liệu dự án, đề án, quyết định thành lập, giao nhiệm vụ cho chủ rừng	<i>Error! Bookmark not defined.</i>
2. Bản đồ: bản đồ hiện trạng rừng và hiện trạng sử dụng đất, bản đồ giao đất, giao rừng, các loại bản đồ chuyên đề khác có liên quan	<i>Error! Bookmark not defined.</i>
3. Quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng của tỉnh	<i>Error! Bookmark not defined.</i>
4. Số liệu hiện trạng tài nguyên rừng, kế hoạch sử dụng đất của đơn vị.....	<i>Error! Bookmark not defined.</i>
CHƯƠNG 2.....	6
ĐẶC ĐIỂM HIỆN TRẠNG CỦA ĐƠN VỊ.....	6
I. THÔNG TIN CHUNG	6
1. Tên công ty:.....	6
2. Địa chỉ.....	6
3. Điện thoại.....	6
4. Quyết định thành lập, chức năng, nhiệm vụ của đơn vị chủ rừng hoặc Giấy đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh theo quy định của Pháp luật	6
5. Cơ cấu tổ chức của đơn vị.....	6
II. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ, ĐỊA HÌNH, KHÍ HẬU, THỦY VĂN VÀ THỎ NHUỖNG.....	ERROR!
BOOKMARK NOT DEFINED.	
1. Vị trí địa lý, địa hình	<i>Error! Bookmark not defined.</i>
1.1. Vị trí địa lý:	<i>Error! Bookmark not defined.</i>
1.2. Địa hình.	<i>Error! Bookmark not defined.</i>
2. Khí hậu.....	<i>Error! Bookmark not defined.</i>
2.1 Chế độ nhiệt.....	<i>Error! Bookmark not defined.</i>
2.2 Chế độ mưa, ẩm.....	<i>Error! Bookmark not defined.</i>
2.3 Chế độ gió.....	<i>Error! Bookmark not defined.</i>
3. Thủy văn.....	<i>Error! Bookmark not defined.</i>
4. Địa chất và thổ nhưỡng.....	<i>Error! Bookmark not defined.</i>
5. Nhận xét: Những thuận lợi, khó khăn; nội dung cần quan tâm, chú ý khi xây dựng và thực hiện phương án.....	<i>Error! Bookmark not defined.</i>
5.1 Thuận lợi.....	<i>Error! Bookmark not defined.</i>
5.2 Khó khăn.....	<i>Error! Bookmark not defined.</i>
III. DÂN SINH, KINH TẾ, XÃ HỘI	ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.
1. Dân số, dân tộc, lao động	<i>Error! Bookmark not defined.</i>

2. Kinh tế: những hoạt động kinh tế chính, thu nhập đời sống của dân cư.....	Error! Bookmark not defined.
Bookmark not defined.	
2.1. Sản xuất nông nghiệp	Error! Bookmark not defined.
2.2. Sản xuất lâm nghiệp	Error! Bookmark not defined.
2.3. Thu nhập.....	Error! Bookmark not defined.
3. Xã hội: Thực trạng giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa.	Error! Bookmark not defined.
4. Kết cấu hạ tầng kỹ thuật	Error! Bookmark not defined.
IV. GIAO THÔNG	ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.
1. Hệ thống giao thông đường bộ trong khu vực	Error! Bookmark not defined.
2. Hệ thống giao thông đường thủy.....	Error! Bookmark not defined.
V. DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG	7
1. Những loại dịch vụ môi trường rừng mà đơn vị đang triển khai, thực hiện.....	7
2. Đánh giá tiềm năng cung cấp các loại dịch vụ môi trường.....	8
VI. HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT	8
1. Thống kê hiện trạng sử dụng đất của đơn vị chủ rừng	8
DIỆN TÍCH QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY CÓ SỰ THAY ĐỔI SO VỚI NĂM 2022 GIẢM ĐI 69,8 HA, NGUYÊN NHÂN LÀ CÔNG TY ĐÃ TIẾN HÀNH BÀN GIAO DIỆN TÍCH CHO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ. CHI TIẾT NHƯ SAU:	
- BÀN GIAO ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ: 30,7 HA	9
- BÀN GIAO ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT: 39,1 HA.....	9
2. Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, tình hình quản lý, sử dụng đất.....	9
VII. HIỆN TRẠNG TÀI NGUYÊN RỪNG	10
1. Hiện trạng diện tích, trạng thái, chất lượng các loại rừng thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng.....	10
VIII. HIỆN TRẠNG VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT, CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐÃ THỰC HIỆN	ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.
1. Thống kê số lượng, diện tích văn phòng, nhà, xưởng, trạm... hiện có của đơn vị theo các nguồn vốn đầu tư.....	Error! Bookmark not defined.
2. Thống kê số lượng phương tiện, thiết bị của chủ rừng.	Error! Bookmark not defined.
2.1. Khối văn phòng:	Error! Bookmark not defined.
2.2. Khối trạm BVR+ đội sản xuất cây giống	Error! Bookmark not defined.
IX. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN LÝ BẢO VỆ, PHÁT TRIỂN RỪNG, BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC NĂM 2022	10
1. Quản lý rừng tự nhiên.....	10
2. Quản lý rừng trồng.....	11
3. Công tác bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng và sâu bệnh gây hại rừng.	Error!
Bookmark not defined.	
3.1. Công tác bảo vệ rừng:.....	Error! Bookmark not defined.
3.2. Công tác phòng cháy, chữa cháy rừng:	Error! Bookmark not defined.
3.3. Công tác phòng trừ sâu bệnh gây hại rừng.....	Error! Bookmark not defined.
4. Quản lý lâm sản ngoài gỗ	Error! Bookmark not defined.
5. Quản lý, bảo tồn đa dạng sinh học	11
5.1. Đa dạng thực vật rừng	11
5.2. Đa dạng động vật.....	12
5.3. Thành phần các loài côn trùng:	13
5.4. Danh mục loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm; những loài đặc hữu	14
IX-C. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CHỦ RỪNG TRONG BA (03) NĂM LIÊN TIẾP LIÊN KÈ.....	ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.
CHƯƠNG 3.....	14

MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ HIỆU QUẢ PHƯƠNG ÁN.....	14
I. MỤC TIÊU VÀ PHẠM VI QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG.....	14
1. Mục tiêu chung.....	14
2. Mục tiêu cụ thể.....	14
a) Mục tiêu về kinh tế năm 2023	14
b) Mục tiêu về môi trường năm 2023	14
c) Mục tiêu về xã hội	15
III. XÁC ĐỊNH KHU VỰC LOẠI TRỪ VÀ KHU VỰC TỔ CHỨC SẢN XUẤT, KINH DOANH RỪNG	15
1. Khu vực loại trừ (khu vực rừng cần đưa vào quản lý, bảo vệ, hạn chế hoặc không khai thác lâm sản)	15
IV. KẾ HOẠCH KHOÁN BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG CHO HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN, CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ TẠI CHỖ	16
1. Kế hoạch, nội dung thực hiện đồng quản lý.....	16
V. KẾ HOẠCH QUẢN LÝ, BẢO VỆ, PHÁT TRIỂN, SỬ DỤNG RỪNG BỀN VỮNG, BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC NĂM 2023	16
1. Kế hoạch bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học.....	16
a) Bảo vệ rừng	16
b) Kế hoạch xây dựng phương án bảo vệ, phòng cháy và chữa cháy rừng năm 2023	17
c) Kế hoạch phòng trừ sinh vật gây hại rừng.....	18
d) Kế hoạch bảo tồn đa dạng sinh học.....	18
2. Kế hoạch phát triển rừng	21
2.1. Kế hoạch phát triển rừng phòng hộ	21
2.2. Kế hoạch phát triển rừng sản xuất.....	21
3. Khai thác lâm sản	24
3.1. Kế hoạch khai thác lâm sản trong rừng sản xuất là rừng trồng	24
3.3. Công nghệ khai thác: công nghệ sử dụng, kỹ thuật mở đường vận xuất, vận chuyển (chiều rộng đường, mật độ đường, cự ly giữa các tuyến), kỹ thuật khai thác, an toàn lao động theo kỹ thuật khai thác tác động thấp	Error! Bookmark not defined.
3.4. Tổ chức khai thác, tiêu thụ sản phẩm	25
3.5. Giám sát chuỗi hành trình sản phẩm FM/CoC	26
4. Tập huấn, đào tạo nguồn nhân lực	27
5. Xây dựng hạ tầng phục vụ quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng.....	27
6. Hoạt động dịch vụ cho cộng đồng.....	28
a) Dự kiến các dịch vụ cho cộng đồng	28
b) Hình thức tổ chức thực hiện	28
7. Hoạt động chi trả dịch vụ môi trường rừng, thuê môi trường rừng	29
8. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ, phát triển rừng	29
VI. KẾ HOẠCH GIÁM SÁT.....	29
VII. TẬP HUẤN ĐÀO TẠO	30
+ HÌNH THỨC TẬP HUẤN: TẬP HUẤN TẬP TRUNG BAO GỒM CÁC LỚP VỀ LÝ THUYẾT VÀ THỰC HÀNH. CÓ THỂ LỰA CHỌN HÌNH THỨC TẬP HUẤN ONLINE QUA CÁC PHẦN MỀM NHƯ (ZOOM,..).....	31
VIII. NHU CẦU VỐN VÀ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ NĂM 2023	31
1. Tổng hợp nhu cầu vốn cho kế hoạch quản lý rừng bền vững	31
2. Nguồn vốn đầu tư.....	32
3. Kế hoạch vay và trả nợ ngân hàng	32
VII. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN	32
2. Giải pháp về phối hợp với các bên liên quan	33
3. Giải pháp về khoa học, công nghệ.....	33
4. Giải pháp về nguồn vốn, huy động nguồn vốn đầu tư	33

5. Giải pháp về thị trường.....	33
6. Giải pháp khác.....	34
III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	34
1. Kết luận.....	34

Phần 1 MỞ ĐẦU

1. Khái quát chung về công tác quản lý bảo vệ, phát triển rừng đảm bảo mục đích sử dụng rừng

Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh là doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước, với chức năng, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực Lâm nghiệp: Trồng, chăm sóc, quản lý bảo vệ và khai thác rừng; kinh doanh dịch vụ tổng hợp lâm nông nghiệp; dịch vụ vật tư, kỹ thuật giống cây trồng. Tổng diện tích tự nhiên Công ty được giao và cho thuê là 16.370,89 ha, trong đó diện tích đất lâm nghiệp là 16.317,54 ha, (rừng tự nhiên 13.305,20 ha; rừng trồng 2.570,68 ha, trong đó rừng trồng đạt tiêu chí là rừng đưa vào bảo vệ: 1.698,45 ha; rừng trồng đang trong thời kỳ chăm sóc: 872,23ha; đất khoanh nuôi phục hồi rừng là: 343,44 ha, đất lâm nghiệp sản xuất khác: 98,22 ha); đất phi nông nghiệp: 53,35 ha.

Trong suốt quá trình hoạt động, đơn vị đã đạt được những kết quả nhất định trong công tác bảo vệ, phát triển và sử dụng rừng như: Bảo vệ tốt diện tích rừng được giao; tổ chức phát triển rừng trồng và khai thác sử dụng rừng có hiệu quả được thể hiện qua các vấn đề sau đây:

Đối với rừng tự nhiên: Từ năm 2014 đến nay Công ty đã thực hiện chủ trương của Nhà nước không khai thác gỗ rừng tự nhiên, chỉ tập trung vào quản lý bảo vệ rừng.

Đối với rừng trồng: Từ năm 2016 đến nay Công ty đã tuyển chọn các loại giống tốt, năng suất cao để trồng rừng. Hàng năm khai thác khoảng 250-300 ha rừng trồng với sản lượng bình quân khoảng 20.000 – 24.000 tấn gỗ nguyên liệu, tương đương 25.000 – 30.000 m³ gỗ nguyên liệu; có những diện tích rừng gỗ lớn thì trữ lượng còn cao hơn; sản xuất bình quân khoảng 1,5 triệu cây giống lâm nghiệp/năm, chủ yếu là loài Keo lai phục vụ cho công tác trồng rừng của Công ty và cung cấp cho các đơn vị có nhu cầu về cây giống lâm nghiệp.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty những năm qua đều đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch hàng năm. Doanh số từ 26 -35 tỷ đồng/năm. Đời sống của cán bộ công nhân viên được đảm bảo với mức thu nhập bình quân 9-10 triệu đồng/người/tháng và có những đóng góp đáng kể đến sự phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn các xã có lâm phận của Công ty, bằng sự hỗ trợ về vật chất cũng như kỹ thuật. Hàng năm thu hút bình quân khoảng 400 -500 lao động thời vụ tại địa phương tham gia vào công tác bảo vệ rừng, trồng rừng, chăm sóc rừng và khai thác rừng ...

Chương 2

ĐẶC ĐIỂM HIỆN TRẠNG CỦA ĐƠN VỊ

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên công ty: Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh;

2. Địa chỉ: Thị trấn Vân Canh – huyện Vân Canh – tỉnh Bình Định;

3. Điện thoại: 0256.3888.328

Fax: 0256.3888.521;

Email: ctyhathanhbd@gmail.com; Website: **Hathanhforestry.com**

4. Quyết định thành lập, chức năng, nhiệm vụ của đơn vị chủ rừng hoặc Giấy đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh theo quy định của Pháp luật

Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 22/6/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định phê duyệt Đề án chuyển đổi Công ty Lâm nghiệp Hà Thanh thành Công ty TNHH một thành viên trực thuộc UBND tỉnh Bình Định.

Giấy đăng ký kinh doanh số: 4100258881 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 31/7/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 20/6/2019.

Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh trước đây là Lâm trường Hà Thanh trực thuộc Công ty Lâm đặc sản xuất khẩu Bình Định. Đến năm 1995 UBND tỉnh Bình Định thành lập DNNN Lâm trường Hà Thanh thuộc sở Nông lâm nghiệp Bình Định tại Quyết định số: 2276/QĐ-UB ngày 29/9/1995. Đến năm 2006 thực hiện Nghị định số: 200/2004/NĐCP ngày 03/12/2004 của Chính phủ, Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định phê duyệt phương án tổ chức Lâm trường Hà Thanh thành Công ty Lâm nghiệp Hà Thanh thuộc UBND tỉnh quản lý tại Quyết định số: 874/QĐ-UBND ngày 25/12/2006. Đến năm 2007 thực hiện Quyết định số: 815/QĐ-TTg ngày 28/6/2006 của Thủ tướng chính phủ, Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định ra quyết định số: 850/QĐ-UBND ngày 26/12/2007 chuyển các Công ty Lâm nghiệp Hà Thanh, Sông Kôn thành Công ty con của tổng Công ty PISICO. Đến năm 2010 thực hiện Nghị định số: 25/2010/NĐ-CP ngày 19/3/2010 của Chính phủ, Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định phê duyệt Đề án chuyển đổi Công ty Lâm nghiệp Hà Thanh thành Công ty TNHH một thành viên trực thuộc UBND tỉnh Bình Định tại Quyết định số: 262/QĐ-UBND ngày 22/6/2010.

Từ năm 2010 đến nay Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh hoạt động ổn định và ngày một phát triển.

5. Cơ cấu tổ chức của đơn vị

5.1. Số lượng nhân sự

Tổng số lao động hiện nay: 49 người. Trong đó:

- Bộ phận viên chức quản lý: 05 người gồm 01 Chủ tịch, 01 Giám đốc, 01 Phó Giám đốc, 01 Kiểm soát viên, 01 Kế toán trưởng.

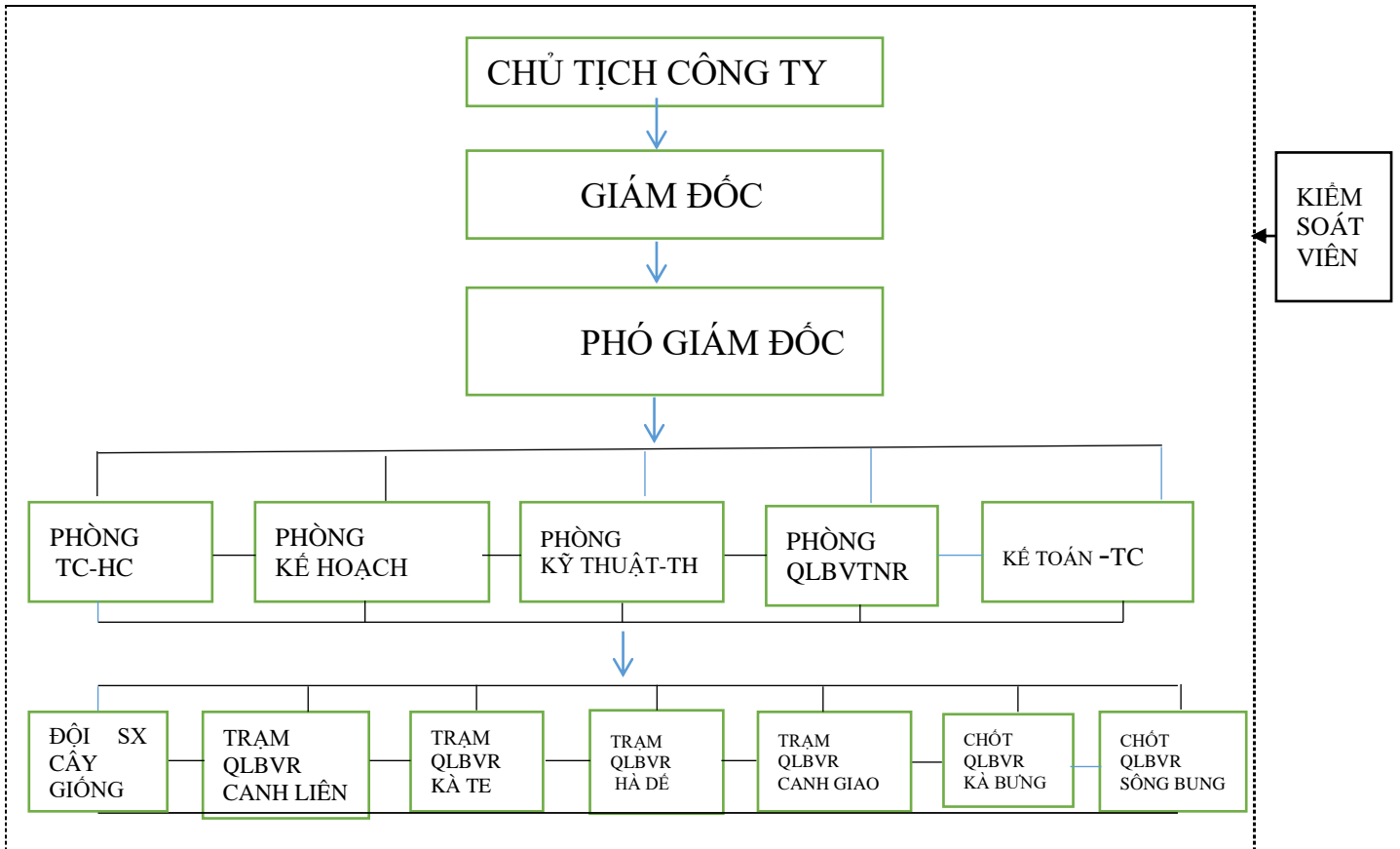
- Các phòng nghiệp vụ: 21 người gồm 05 phòng (Phòng Tổ chức Hành chính 05 người; phòng Kế hoạch 03 người; phòng Kế toán 04 người; phòng Kỹ thuật Tổng hợp 04 người; phòng QLBTNR 05 người).

- 04 Trạm, 02 Chốt QLBTNR: 21 người.

- Đội sản xuất cây giống: 02 người.

Ngoài ra Đội sản xuất giống còn thuê nhân công theo thời vụ với số lượng khoảng 10 lao động làm công tác sản xuất cây giống.

Sơ đồ tổ chức công ty



Ghi chú mối quan hệ

- Chi đạo
- Giám sát
- Phối hợp

5.2. Điều chỉnh về nhân sự quản lý

TT	Số Quyết định	Ngày quyết định	Nội dung	Ghi chú
	596/QĐ-LNHT	29/12/2022	Điều động cán bộ Ông Trần Hữu Được nhận công tác tại Phòng QLBTNR (Chức vụ Phó Trưởng phòng)	
	130/QĐ-LNHT	04/3/2023	Bổ nhiệm Trưởng phòng, Phòng Tổ chức – Hành Chính của Ông Đường Hạc Duy	
	131/QĐ-LNHT	04/3/2023	Bổ nhiệm Phó Trưởng phòng, Phòng Tổ chức – Hành Chính của Bà Bùi Thị Kim Hoa	

II. DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG

1. Những loại dịch vụ môi trường rừng mà đơn vị đang triển khai, thực hiện

Với mục đích tạo thêm nguồn kinh phí ổn định cho công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng. Góp phần quan trọng mang lại hiệu quả thiết thực để đảm bảo cho phát triển bền vững, cải thiện sinh kế cho người dân lân cận.

Hiện nay UBND tỉnh Bình Định đã thành lập Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng là đơn vị sự nghiệp trong đó có chức năng nhận uỷ thác chi trả các dịch vụ môi trường rừng cho các đối tượng được hưởng theo quy định.

Năm 2021		Năm 2022		Tổng cộng số tiền được nhận (đồng)
Diện tích cung ứng (ha)	Số tiền (đồng)	Diện tích cung ứng (ha)	Số tiền (đồng)	
4.344,21	159.756.604	4.524,15	191.995.410	351.752.014

- Số tiền thu từ dịch vụ môi trường rừng đơn vị sử dụng cho các hạng mục tái bảo vệ và phát triển rừng gồm chi cho công tác quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng, chi công tác tuần tra quản lý, mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác QLBR, chi lương cho lực lượng bảo vệ rừng,

2. Đánh giá tiềm năng cung cấp các loại dịch vụ môi trường

Khu vực rừng tự nhiên và rừng trồng trong lâm phần quản lý của công ty có các tiềm năng sau:

- Tiềm năng cung cấp cho các nhà máy thủy điện;
- Tiềm năng cung cấp cho các khu du lịch sinh thái;
- Tiềm năng cung cấp cho các nhà máy nước sạch;

III. HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT

1. Thống kê hiện trạng sử dụng đất của đơn vị chủ rừng

- Tổng diện tích đất Công ty đang quản lý sử dụng: **16.370,89** ha.

b) Hiện trạng sử dụng đất của công ty:

*Tổng diện tích tự nhiên: 16.370,89 ha. Trong đó:

- Đất lâm nghiệp: 16.317.54 ha được phân ra:

+ Đất rừng tự nhiên: 13.305.2 ha;

+ Đất có rừng trồng: 2.570,68 ha;

+ Đất trống: 343,44 ha;

+ Đất lâm nghiệp sản xuất khác: 98,22 ha;

- Đất phi nông nghiệp: 53,35ha, trong đó:

+ Đất chuyên dùng: 15,29ha, cụ thể:

Đất trụ sở công ty: 0,47 ha.

Đất có mục đích công cộng (Đất giao thông): 14,82 ha.

+ Đất sông ngòi, kênh, rạch, suối: 37,94 ha.

+ Đất có mặt nước chuyên dùng: 0,12 ha.

Biểu: Hiện trạng sử dụng đất của Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh năm 2023

Đơn vị tính: ha

TT	LOẠI ĐẤT	Tổng diện tích đất của chủ rừng	Hiện trạng sử dụng đất của chủ rừng theo đơn vị hành chính cấp xã		
			Xã Canh Hiệp	Xã Canh Thuận	Xã Canh Liên
	Tổng diện tích	16.370,89	525,14	50,16	15.795,58

1	Đất lâm nghiệp	16.317,54	523,66	50,16	15.743,71
1.1	Đất rừng tự nhiên	13.305,20	0	0	13.305,20
1.2	Đất rừng trồng sản xuất	2.570,68	523,35	50,16	1.997,17
1.3	Đất trống	343,44	0	0	343,44
1.4	Đất lâm nghiệp sản xuất khác	98,22	0	0	98,22
2	Đất phi nông nghiệp	53,35	1,63	0	53,22
2.1	Đất chuyên dùng	15,29	1,63	0	13,66
2.2	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	37,94			37,94
2.3	Đất có mặt nước chuyên dùng	0,12			0,12

Diện tích quản lý của công ty có sự thay đổi so với năm 2022 giảm đi 69,8 ha, nguyên nhân là công ty đã tiến hành bàn giao diện tích cho địa phương quản lý. Chi tiết như sau:

- Bàn giao đất rừng phòng hộ: 30,7 ha

- Bàn giao đất rừng sản xuất: 39,1 ha

2. Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, tình hình quản lý, sử dụng đất.

- Công ty đang thực hiện Phương án quản lý rừng bền vững của đơn vị, giai đoạn 2020 – 2025 đã được Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Bình Định phê duyệt tại Quyết định số 2233/QĐ-SNN ngày 09/6/2020. Nội dung gắn liền với việc giao đất, cho thuê đất và cấp, đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng tình hình thực tế sử dụng, đảm bảo quy hoạch đất rừng từng loại theo chức năng quy định của Nhà nước.

- Công ty sử dụng đất đai Nhà nước giao đúng mục đích và có hiệu quả, không có trường hợp sang nhượng, cho thuê bất hợp pháp. Công ty luôn thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định. Đối với những diện tích đất trống có khả năng trồng rừng công ty đã đưa vào quy hoạch trồng mới rừng, không để lãng phí tài nguyên đất được giao.

- Công tác bảo vệ rừng: Đối với diện tích rừng tự nhiên từ sau khi UBND tỉnh thực hiện chủ trương đóng cửa rừng, nên công ty không khai thác rừng tự nhiên, chỉ tập trung làm nhiệm vụ quản lý bảo vệ rừng hiện còn. Rừng tự nhiên hiện nay đang được tổ chức quản lý bảo vệ chặt chẽ, công ty thường xuyên phối hợp với Hạt kiểm lâm và các đơn vị liên quan tổ chức tuần tra bảo vệ rừng, nhằm ngăn chặn và xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm; ký hợp đồng phối hợp quản lý bảo vệ rừng với các ban quản lý làng; thường xuyên tuyên truyền, vận động các hộ gia đình có ý thức trong công tác bảo vệ rừng, phát huy vai trò của già làng, trưởng bản và người có uy tín.

- Mức độ xâm hại rừng: Công tác quản lý bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng năm qua công ty đã thực hiện tốt, không để xảy ra vi phạm lớn về các quy định

bảo vệ và phát triển rừng, rừng tự nhiên đã làm tốt chức năng bảo vệ nguồn nước cho đời sống và sản xuất của người dân trong vùng.

IV. HIỆN TRẠNG TÀI NGUYÊN RỪNG

1. Hiện trạng diện tích, trạng thái, chất lượng các loại rừng thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng

* Tổng diện tích tự nhiên: 16.370,89 ha. Trong đó:

- Đất lâm nghiệp: 16.317,54 ha được phân ra:

+ Đất rừng sản xuất: 16.317,54 ha.

- Đất phi nông nghiệp: 53,35 ha, trong đó:

+ Đất chuyên dùng: 15,29 ha, cụ thể:

Đất trụ sở công ty: 0,47 ha;

Đất có mục đích công cộng (Đất giao thông): 14,82 ha;

+ Đất sông ngòi, kênh, rạch, suối: 37,94 ha.

+ Đất có mặt nước chuyên dùng: 0,12 ha.

Cụ thể theo bảng sau:

Đơn vị tính: Ha

TT	Phân loại rừng	Tổng	Rừng sản xuất
I	RỪNG PHÂN THEO NGUỒN GỐC HÌNH THÀNH	15.317,54	15.317,54
1	Rừng tự nhiên	13.305,20	13.305,20
	- Rừng thứ sinh	13.305,20	13.305,20
2	Rừng trồng	2.570,68	2.570,68
	- Chưa thành rừng	872,23	872,23
	- Đã thành rừng	1.698,45	1.698,45
II	RỪNG PHÂN THEO LOÀI CÂY		
1	Rừng gỗ tự nhiên	13.305,20	13.305,20
	- Rừng gỗ lá rộng TX hoặc nửa rụng lá	13.305,20	13.305,20
III	DIỆN TÍCH CHƯA THÀNH RỪNG	1.313,89	1.313,89
1	Diện tích trồng chưa thành rừng	872,23	872,23
2	Diện tích khoanh nuôi tái sinh	343,44	343,44
3	Diện tích khác	98,22	98,22
V	DIỆN TÍCH ĐẤT LÂM NGHIỆP	16.317,54	16.317,54

V. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN LÝ BẢO VỆ, PHÁT TRIỂN RỪNG, BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC NĂM 2022

1. Quản lý rừng tự nhiên

- *Đối với rừng tự nhiên:* Thực hiện chủ trương xã hội hóa nghề rừng, từng bước Công ty đã thực hiện chính sách gắn đời sống của những hộ dân sinh sống gần rừng vào nghề rừng thông qua công tác phối hợp với các làng trong vùng.

- Phương thức quản lý: Công ty trực tiếp quản lý bằng lực lượng chuyên trách được tổ chức thành các trạm quản lý bảo vệ rừng là trạm Canh Liên, trạm Hà Dế và trạm Cà Te, Chốt Kà Bung, chốt Sông Bung. Đồng thời phối hợp với các làng trong

vùng dự án thông qua các hợp đồng phối hợp ký thẳng với BQL làng. Phối hợp với cơ quan chức năng tổ chức tuần tra, kiểm tra bảo vệ rừng; kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi xâm hại rừng theo đúng Pháp luật nên rừng được bảo vệ tốt, chất lượng rừng được nâng lên đáng kể.

2. Quản lý rừng trồng

Phương thức quản lý: Cũng giống như rừng tự nhiên, công ty trực tiếp quản lý bằng lực lượng chuyên trách được tổ chức thành các trạm quản lý bảo vệ rừng là Trạm Canh Liên, Trạm Hà Đế, Trạm Canh Giao, Trạm Cà Te và Chốt Kà Bung.

Sử dụng rừng: Năm 2022 công ty tiến hành khai thác và trồng lại rừng với tổng diện tích: 322,6 ha bằng nguồn vốn sản xuất của Công ty.

Khi rừng trồng sản xuất đạt tuổi thành thực công nghệ hoặc thành thực tài chính thì tiến hành khai thác trắng và trồng lại rừng ngay trong mùa mưa liền kề. Việc khai thác, tiêu thụ gỗ rừng trồng được thực hiện theo hình thức bán đấu giá, các đơn vị, cá nhân có đủ chức năng và năng lực trúng đấu giá thực hiện khai thác rừng dưới sự giám sát, theo dõi và quản lý sản phẩm của Công ty.

*** Xây dựng các đội quản lý bảo vệ rừng**

Xây dựng các đội quản lý bảo vệ rừng để quản lý bảo vệ, kiểm soát các hoạt động của người dân có ảnh hưởng tới rừng; Kiểm soát và ngăn chặn các hoạt động khai thác trái phép lâm sản và vận chuyển trên hệ thống giao thông trong khu vực; phối hợp với chính quyền địa phương và nhân dân trong công tác quản lý bảo vệ và phòng cháy, chữa cháy rừng.

trồng, chế biến và tiêu thụ góp phần nâng cao đời sống của người dân miền núi.

3. Quản lý, bảo tồn đa dạng sinh học

3.1. Đa dạng thực vật rừng

Kết quả nghiên cứu tại khu vực lâm phận thuộc Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh cho thấy, có 529 loài thực vật thuộc 106 họ, 289 chi. Xét về đa dạng loài thực vật thì họ Re (Lauraceae) được đánh giá là họ có đa dạng thành phần loài cao nhất với 30 loài thực vật (chiếm 5,67 % tổng số loài thực vật tại Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh), các loài thực vật điển hình trong họ này gồm Re lá to (*Machilus macrophylla*), Mần tang (*Litsea cubeb*), Lòng trứng (*Lindera metcalifiana*). Tiếp theo là họ Ba mảnh vỏ (Euphorbiaceae) với 29 loài, điển hình có các loài như Nhội (*Bischofia javanica*), Thầu tầu đài nhỏ (*Aporosa microcalyx*), Ba soi hoa tuyến *Macaranga adenantha*, Lá nển lông *Macaranga balansae*, Ba soi lá bắc (*Macaranga kurzii*). Các loài thực vật trong họ Cà phê (Rubiaceae) đứng thứ ba về đa dạng loài với tổng số 27 loài được ghi nhận, điển hình có các loài như Gáo trắng (*Neolamarkia cadamba*), Móc câu lông (*Uncaria hirsute*), Bướm bạc (*Mussaenda erosa*),...

Tuy nhiên xét về đa dạng chi thực vật thì họ Ba mảnh vỏ (Euphorbiaceae) mới là họ có nhiều chi nhất với 16 chi thực vật (chiếm 5,54 % tổng số chi thực vật tại Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh), điển hình có các chi như (*Aporosa*, *Baccaurea*, *Bischofia*, *Endospermum*, *Macaranga*, *Mallotus*). Tiếp theo là hai họ Hòa thảo (Poaceae) và họ Ráy (Araceae) với 13 chi thực vật (chiếm 4,50 % tổng số chi thực vật tại Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh), trong đó các chi điển hình trong họ Hòa thảo như *Chrysopogon*, *Phragmites*, *Schizostachyum*, *Thysanolaena*, và các chi điển hình của họ Ráy như *Aglaonema*, *Alocasia*, *Homalomena*, *Pothos* và *Scindapsus*;

Có 33 họ (chiếm 31,13 % tổng số họ thực vật tại Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh) chỉ có duy nhất 01 chi và 01 loài thực vật như các họ Dương xỉ (Thelypteridaceae) chỉ có loài Rau dớn (*Cyclorosis parasiticus*); họ Chua me đất (Oxalidaceae) chỉ có loài Chua me đất (*Oxalis corniculata*); họ Chuối (Musaceae) chỉ có loài *Musa acuminata* (Chi tiết có phụ biểu kèm theo)

3.2. Đa dạng động vật

3.2.1. Thành phần loài khu hệ động vật có xương sống:

- Có 40 loài động vật có vú thuộc 16 họ động vật, thuộc 30 giống khác nhau được ghi nhận qua nghiên cứu này tại Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh.

Xét theo tính đa dạng thành phần loài thì họ Dơi muỗi (*Vespertilionidae*) có tính đa dạng loài cao nhất với 08 loài (chiếm 20% tổng số loài thú tại Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh) như các loài Dơi muỗi xám (*Pipistrellus javanicus*), Dơi chân đệm thịt (*Tyloscteris pachypus*), Dơi tai sọ cao (*Myotis siligorensis*), Dơi cánh dài (*Miniopterus pusillus*); tiếp theo là hai họ họ Dơi lá mũi (*Rhinolopidae*) và họ Sóc (*Sciuridae*) với số loài tương đương nhau là 05 loài (chiếm 12,5 % tổng số loài thú tại Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh), các loài điển hình của họ Dơi lá mũi như Dơi lá đuôi (*Rhinolophus affinis*), Dơi lá tai dài (*Rhinolophus macrotis*), các loài điển hình của họ Sóc như Sóc bụng đỏ (*Callosciurus erythraeus*), Sóc mõm hung (*Dremomys rufigenis*).

3.2.2. Đa dạng khu hệ chim

Có 118 loài chim thuộc 87 giống, 48 họ được ghi nhận tại Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh.

Đa dạng hệ chim:

Nhìn bảng trên ta thấy, họ Cu cu (*Cuculidae*) là họ có đa dạng thành phần giống và loài nhất với tổng số 10 loài (chiếm 8,5 tổng số loài chim tại Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh), 08 giống (chiếm 9,2 % tổng số giống chim tại Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh), họ này gồm các loài điển hình như Bìm bịp lớn (*Centropus sinensis*), Tu hú (*Eudynamis scolopaceus*), Tím vẹt (*Cacomantis merulinus*), Bả cô trói cột (*Cuculus Micropterus*). Tiếp theo là họ họ Bồ câu (*Columbidae*) với 08 loài (chiếm 6,8 % tổng số loài chim tại Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh), 06 giống (chiếm 6,9% tổng số giống chim tại Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh).

Có 21 họ (chiếm 43,75 % tổng số họ chim tại Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh) chỉ có duy nhất 01 giống và 01 loài như các họ sau: họ Cú muỗi (*Caprimulgidae*) chỉ có loài *Caprimulgus macrurus*, họ Gà nước (*Rallidae*) chỉ có loài Cuốc ngực trắng (*Amaurornis phoenicurus*), Họ Rẻ quạt (*Monarchidae*) chỉ có loài Rẻ quạt họng trắng (*Rhipidura albicollis*).

Nhận xét: Các loài chim ở Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh là những loài khá phổ biến, dễ bắt gặp và phân bố khá đồng đều trong lâm phận của công ty cả ở phần rừng trồng và rừng tự nhiên. Kết quả nghiên cứu cho thấy các loài chim không có giá trị bảo tồn cao, cụ thể không có loài nào được xếp hạng trong Danh lục Đỏ IUCN 2019, không có loài được xếp trong Sách Đỏ Việt Nam 2007, không có loài nào có tên trong phụ lục I, II của Nghị định 06/2019, không có loài nào được liệt kê trong Danh mục động nguy cấp, quý hiếm tại Nghị định 64/2019.

3.2.3. Đa dạng khu hệ bò sát-ếch nhái

- Đa dạng các loài bò sát

Có 25 loài bò sát thuộc 16 giống và 6 họ phân bố tại Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh.

Đa dạng các họ bò sát tại Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh

Họ Rắn nước (*Colubridae*) là họ có nhiều loài và giống nhất, với 07 loài (chiếm 28,0 % tổng số loài bò sát tại Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh), và 07 giống (chiếm 43,8 % tổng số giống bò sát tại Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh), điển hình với các loài như Rắn roi thường (*Ahaetulla prasina*), Rắn leo cây thường (*Dendrelaphis pictus*). Tiếp theo là họ Nhông (*Agamidae*) với 6 loài (chiếm 24,0 % tổng số loài bò sát tại Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh) và 03 giống (chiếm 18,8 % tổng số giống bò sát tại Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh), điển hình với các loài như Ô rô vảy (*Acanthosaura lepidogaster*), Nhông xanh (*Calotes versicolor*). Họ Rắn giun (*Typilopidae*) chỉ có duy nhất 01 giống và 01 loài đó là Rắn giun lớn (*Typhlops diardi*).

-Ếch nhái: 26 loài ếch nhái thuộc 16 giống và 06 họ;

Đa dạng các họ ếch nhái tại Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh

Họ Ếch nhái (*Rannidae*) là họ có đa dạng thành phần loài và giống cao nhất, với 12 loài (chiếm 46,2 % tổng số loài ếch nhái tại Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh), và 8 giống (chiếm 50 % tổng số giống ếch nhái tại Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh) với các loài đại diện như Ếch xanh (*Odorrana chloronota*), Ếch suối (*Sylvirana nigrovittata*), Ngóe (*Hoplobatrachus rugulosus*). Tiếp theo là họ Nhái cây (*Rhacophoridae*) với 7 loài (26,9 % tổng số loài ếch nhái tại Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh) và 4 giống (chiếm 25 % tổng số giống ếch nhái tại Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh) với các loài đại diện như Nhái cây sần nhỏ (*Kurixalus bisacculus*), Ếch cây đầu to (*Polypedates megacephalus*). Các họ chỉ có 01 loài và 01 giống duy nhất là họ Cóc bùn (*Megophryidae*), họ Cóc (*Bufo*), họ Nhái bén (*Hylidae*).

3.2.4. Đa dạng khu hệ cá

Có 36 loài cá nước ngọt thuộc 14 họ và 27 giống được ghi nhận tại Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh

Đa dạng các họ cá tại Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh

Họ Cá chép (*Cyprinidae*) là họ có đa dạng thành phần loài nhất với 15 loài (chiếm 41,7 % tổng số loài cá nước ngọt ở Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh) và 09 giống (33,3 % tổng số giống cá nước ngọt ở Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh), các loài trong họ này điển hình như: Cá diếc (*Carassius auratus*), Cá trôi (*Cirrhinus mrigala*), Cá mương (*Hemiculter leuciscus*). Tiếp theo là họ Cá bống trắng (*Gobiidae*) với 04 loài và 03 giống cá (chiếm 11,1 % tổng số loài và giống cá tại Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh). Các họ gồm họ Cá thát lát (*Notopteridae*), họ Lươn (*Synbranchidae*), họ Cá chạch (*Cobitidae*), Họ Cá nheo (*Siluridae*) và họ Cá chiên (*Sisoridae*) chỉ có duy nhất 01 loài.

3.3. Thành phần các loài côn trùng:

Có 103 loài côn trùng thuộc 30 họ và 86 giống được ghi nhận tại Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh. Họ Bướm nháy (*Hesperidae*) là họ có đa dạng thành phần loài và giống nhất, với 20 loài (19,4 % tổng số loài côn trùng tại Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh) và 17 giống (chiếm 19,8 % tổng số giống côn trùng tại Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh), điển hình là các loài: *Iambrix salsala*, *Iton semamora*, *Koruthaialos rubecula*, *Matapa druna*, *Matapa aria*, *Moooreana trichoneura*, *Notocrypta curvifascia*, *Oriens gola*, *Parnara guttatus*. Họ đa dạng tiếp theo là họ Bướm xanh (*Lycaenidae*) với 15 loài (chiếm 14,6 tổng số loài côn trùng tại Công ty

TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh) và 12 giống (chiếm 13,9 % tổng số giống côn trùng tại Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh), các loài điển hình trong họ này như: *Tagiades parra*, *Tagiades japedus*, *Allotinus drumila*, *Allotinus subtrigosus*, *Arhopala eumolpus*, *Drupadia theda*, *Heliophorus ila*. Các họ gồm họ Cerambycidae, họ Bướm ngao (Riodinidae), họ *Cordulegastridae*, họ *Platystictidae*, họ *Aeshnidae*, họ Bọ ngựa thường (Mantiidae), họ Ve sâu sừng (*Fulgoridae*), họ Bọ xít ăn sâu (*Reduviidae*), họ Bọ xít mép (*Coreidae*), họ Dế mèn (*Gryllidae*), họ Ruồi trâu (*Tabanidae*) chỉ có duy nhất 01 giống và 01 loài.

Đa dạng các họ côn trùng tại Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh

3.4. Danh mục loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm; những loài đặc hữu

Trên cơ sở kết quả điều tra thực địa, căn cứ Nghị định số 06/2019/NĐ-CP của Chính phủ và sách đỏ Việt Nam xuất bản năm 2007 thì không có loài thực vật bậc cao, động vật có xương sống, côn trùng nào ghi nhận tại Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh được xếp hạng và đánh giá trong Danh lục Đỏ IUCN 2019, Sách Đỏ Việt Nam 2007. Không có loài nào có tên trong phụ lục I, II của Nghị định 06/2019, không có loài nào được liệt kê trong Danh mục động thực vật nguy cấp, quý hiếm tại Nghị định 64/2019 và theo công ước CITES theo link: checklist.cites.org

Chương 3

MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ HIỆU QUẢ PHƯƠNG ÁN

I. MỤC TIÊU VÀ PHẠM VI QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG

1. Mục tiêu chung

Cập nhật “Phương án Quản lý rừng bền vững công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh năm 2022” góp phần bảo tồn và phát triển vốn rừng của Công ty, đáp ứng yêu cầu về văn hóa - kinh tế - xã hội, môi trường sinh thái một cách bền vững và có hiệu quả hơn. Việc sản xuất ra các sản phẩm từ rừng không làm tổn hại mà còn giúp bảo đảm tài nguyên rừng cho các thế hệ tương lai.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Mục tiêu về kinh tế năm 2023

- Bảo vệ chặt chẽ: 13.305,2 ha diện tích công ty quản lý, nâng cao chất lượng rừng tự nhiên;
- Khai thác diện tích chứng chỉ rừng FSC: 271,2 ha với sản lượng dự kiến là: 29.447,2 tấn;
- Khai thác 171,9 ha diện tích liên doanh công ty Kong Chro với sản lượng dự kiến là 10.438,1 tấn;
- Trồng lại rừng sau khai thác: diện tích chứng chỉ rừng là 271,2 ha; diện tích liên doanh với Công ty Kong Chro là 171,9 ha (Diện tích nằm ngoài diện tích chứng chỉ rừng).
- Chăm sóc rừng: 1.518,53 ha;
- Bình quân doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt: 36,8 tỷ đồng/năm.

b) Mục tiêu về môi trường năm 2023

Bảo vệ bằng được tổng diện tích rừng hiện có, phân đầu đến cuối kỳ phương án độ che phủ của rừng từ 89,19 % năm 2019 tăng lên 92,4% năm 2025. Bảo vệ nghiêm ngặt các khu rừng chứa đựng các giá trị sinh thái, đa dạng sinh học; phát triển và bảo

tồn các loài cây bản địa; giảm số vụ cháy rừng, vi phạm Pháp luật về Lâm nghiệp, và các vùng quy hoạch cho bảo vệ đất, bảo vệ nguồn nước sinh hoạt của người dân.

Tổ chức bảo vệ tốt, phân đầu đến cuối kỳ phương án các trạng thái rừng diễn thế theo hướng tích cực, để duy trì và tăng cường được chức năng phòng hộ đầu nguồn các con sông, suối trong khu vực, hạn chế xói mòn đất, chống suy thoái tài nguyên nước và biến đổi khí hậu.

- Quản lý, bảo vệ, giám sát theo hướng khôi phục thành rừng tự nhiên: 292,47 ha. Bao gồm diện tích hành lang ven suối và diện tích rừng tự nhiên bảo vệ, diện tích khoanh nuôi. Diện tích đất lâm nghiệp được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững là: 2.855,4ha.

c) Mục tiêu về xã hội

Công ty đảm bảo thực hiện đầy đủ theo bản cam kết Tuân thủ về việc sử dụng lao động. Tiếp tục duy trì các hoạt động quản lý đảm bảo quyền của người lao động, sức khỏe và an toàn nghề nghiệp, bình đẳng giới được áp dụng cho cả công ty và nhà thầu, nhà thầu phụ (nếu có).

Giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động; ổn định sinh kế người dân sống trong vùng đệm; nâng cao nhận thức về quản lý rừng bền vững; từng bước hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng;

Ổn định việc làm và thu nhập cho CBCNV của Công ty với thu nhập bình quân khoảng 10,0 triệu đồng/tháng. Ngoài ra hàng năm Công ty thu hút bình quân khoảng 500 lao động thời vụ tại địa phương tham gia vào công tác trồng rừng, chăm sóc rừng và khai thác rừng.

Bằng nguồn vốn đầu tư tái tạo rừng, hàng năm Công ty tiến hành duy tu các tuyến đường lâm nghiệp vận xuất vận chuyển (khoảng 43,5 km) vừa phục vụ sản xuất kinh doanh đồng thời kết hợp dân sinh kinh tế, đảm bảo giao thông, đi lại, giao thương nội vùng được thuận tiện và thông suốt.

Tiếp tục duy trì các hoạt động giảm thiểu tác động xã hội.

II. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

- Tổng diện tích tự nhiên năm 2023 của Công ty quản lý: 16.370,89 ha. Trong đó đất lâm nghiệp: 16.317,54 ha, đất phi nông nghiệp 53,35 ha.

* Đối với diện tích đất đề nghị cấp chứng chỉ rừng: 2.855,4ha, trong đó: Diện tích rừng trồng là 2.562,93 ha, diện tích khoanh nuôi phục hồi thành rừng tự nhiên là 292,47 ha.

III. XÁC ĐỊNH KHU VỰC LOẠI TRỪ VÀ KHU VỰC TỔ CHỨC SẢN XUẤT, KINH DOANH RỪNG

1. Khu vực loại trừ (khu vực rừng cần đưa vào quản lý, bảo vệ, hạn chế hoặc không khai thác lâm sản)

Khu vực loại trừ cần đưa vào quản lý, bảo vệ, hạn chế hoặc không khai thác lâm sản bao gồm:

- Toàn bộ diện tích rừng tự nhiên hiện có: 13.305,2 ha.

- Diện tích quản lý theo hướng bảo vệ, khôi phục thành rừng tự nhiên và hành lang ven suối trong năm 2023: 292,47ha. Trong đó:

+ Hành lang ven suối: 33,13 ha;

+ Khoanh nuôi, bảo vệ: 259,34 ha.

IV. KẾ HOẠCH KHOANH BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG CHO HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN, CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ TẠI CHỖ

1. Kế hoạch, nội dung thực hiện đồng quản lý

- Đối với bảo vệ rừng

Công tác bảo vệ rừng của công ty thông qua lực lượng chuyên trách được tổ chức thành các trạm, chốt quản lý kinh doanh rừng, các tổ đội cơ động; cụ thể là trạm QLBRV Canh Liên, trạm QLBRV Hà Dế, trạm QLBRV Canh Giao và trạm QLBRV Cà Te và chốt QLBRV Sông Bung, chốt QLBRV Cà Bung. Đồng thời phối hợp với các làng trong vùng dự án thông qua các hợp đồng phối hợp ký với BQL làng.

- Đối với phát triển rừng.

Công ty ký hợp đồng thuê các đơn vị thi công thực hiện công tác trồng, chăm sóc rừng.

V. KẾ HOẠCH QUẢN LÝ, BẢO VỆ, PHÁT TRIỂN, SỬ DỤNG RỪNG BỀN VỮNG, BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC NĂM 2023

1. Kế hoạch bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học

a) Bảo vệ rừng

- Bảo vệ rừng tự nhiên sản xuất:

Tiến hành bảo vệ: 13.305,2 ha rừng tự nhiên hiện có kể cả các giá trị về đa dạng sinh học, quần thể các loài động, thực vật, các giá trị về cảnh quan môi trường.

* Xây dựng quy chế và biện pháp bảo vệ rừng

- Tổ chức các lực lượng bảo vệ rừng

Bao gồm lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách của Công ty và sự tham gia của cộng đồng dân cư thông qua hình thức phối hợp với các làng trong vùng dự án bằng hợp đồng phối hợp ký thẳng với BQL làng để bảo vệ rừng.

Công ty tự quyết định về tổ chức bộ máy, biên chế lực lượng bảo vệ chuyên trách về các trạm bảo vệ và kinh doanh rừng trong từng thời kỳ theo yêu cầu về công tác quản lý và căn cứ vào quy định của Nhà nước. Quy định chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ của các lực lượng nêu trên theo quyền hạn của mình và theo quy định của Pháp luật.

- *Biện pháp bảo vệ rừng*

Tăng cường hoạt động tuần tra, kiểm tra rừng, phương tiện ra vào rừng để phát hiện và ngăn chặn kịp thời những hành vi phá rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp, khai thác vận chuyển lâm sản trái phép

Thực hiện trực bảo vệ rừng: Phân công các thành viên trực 24/24 giờ tất cả các ngày trong tuần, đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt 24/24 giờ, thông tin, báo cáo kịp thời các vụ việc xảy ra cho người có trách nhiệm để có chỉ đạo, ứng phó kịp thời.

+ **Vùng sản xuất, kinh doanh**

Khu vực không được phép sản xuất, kinh doanh gỗ

Mục đích kinh doanh: Không sử dụng vào mục đích kinh doanh;

Mục đích sử dụng tại chỗ: Khai thác lâm sản ngoài gỗ, tre nứa, song mây, lâm sản phụ khác.

Khu vực khai thác lâm sản ngoài gỗ

Mục đích kinh doanh: Khai thác lâm sản ngoài gỗ, tre nứa, song mây, lâm sản phụ khác.

Mục đích sử dụng tại chỗ: Khai thác lâm sản ngoài gỗ, tre nứa, song mây, lâm sản phụ khác.

Khu vực kinh doanh rừng trồng: Vùng đề nghị cấp chứng chỉ rừng là: 2.562,93 ha.

Mục đích kinh doanh: Được phép khai thác gỗ rừng trồng

Mục đích sử dụng tại chỗ: Khai thác lâm sản phụ (nếu có).

+ Phối hợp với chính quyền địa phương tổ chức tuyên truyền nội quy, quy chế bảo vệ rừng kể cả việc in ấn tờ rơi với các nội dung tuyên truyền giáo dục ý thức bảo vệ rừng. Xây dựng hương ước, quy ước về bảo vệ rừng đến từng thôn từng xã có lâm phần quản lý của Công ty. Trong hương ước, quy ước ghi rõ những việc được làm, những việc hạn chế và những hành vi nghiêm cấm để người dân tự giác, tự nguyện thực hiện.

b) Kế hoạch xây dựng phương án bảo vệ, phòng cháy và chữa cháy rừng năm 2023

*** Phòng cháy rừng**

- Tiến hành rà soát, khoanh vùng các khu vực trọng điểm dễ xảy ra cháy rừng ngoài thực địa vào bản đồ phân vùng trọng điểm phòng cháy chữa cháy rừng để chủ động trong kiểm soát, huy động lực lượng, phương tiện, dụng cụ chữa cháy rừng và đề ra các biện pháp PCCCR thích hợp, hiệu quả.

- Tăng cường tuần tra, canh gác lửa rừng, nhất là trong thời kỳ cao điểm mùa khô phải tuần tra 24/24 giờ trong ngày; Hương dẫn người dân canh tác nương rẫy xung quanh rừng, không để lửa cháy lan vào rừng.

- Rà soát, bổ sung làm mới bảng, biển báo, bảng PCCCR trên địa bàn quản lý.

- Xây dựng đường băng cản lửa: Chủ động để lại các tuyến đường vận chuyển trong các lô rừng để trồng băng cản lửa có tác dụng ngăn chặn các đám cháy lan mặt đất, cháy tán rừng và cháy ở những khu rừng dễ cháy, đồng thời là đường vận chuyển lực lượng và phương tiện để dập tắt đám cháy, tuần tra phát hiện cháy rừng.

- Biện pháp làm giảm vật liệu cháy: Ngay từ đầu mùa khô Công ty tiến hành xử lý thực bì đối với rừng trồng và phải thông báo với chính quyền địa phương, cơ quan kiểm lâm gần nhất biết. Đảm bảo đốt có kiểm soát và không để cháy lan.

- Trực phòng cháy chữa cháy rừng: phân công các thành viên trực 24/24 giờ tất cả trong tuần, kể cả ngày thứ 7, chủ nhật. Đảm bảo thông suốt 24/24 giờ và thông tin, báo cáo kịp thời các vụ việc xảy ra cho người có trách nhiệm để có chỉ đạo, ứng phó kịp thời, hạn chế thấp nhất thiệt hại do cháy rừng gây ra.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm của người dân trong công tác PCCCR. Thường xuyên kiểm tra, hướng dẫn người dân khi đốt nương, rẫy, đồng ruộng, đốt thực bì để chuẩn bị đất trồng rừng phải tuân thủ quy định về an toàn PCCR.

- Tổ chức ký cam kết với các hộ gia đình, các tổ chức, cá nhân liên quan trên địa bàn về an toàn sử dụng trong lửa rừng, thực hiện các quy định về BVR và PCCCR.

*** *Chữa cháy rừng***

- Tổ chức lực lượng phòng cháy và chữa cháy rừng: Khi có cháy rừng xảy ra, thì Trạm trưởng, Chốt trưởng kịp thời có mặt và trực tiếp chỉ đạo, triển khai ngay phương án chữa cháy. Thông báo ngay cho nhân dân trong vùng cùng phối hợp chữa cháy. Báo ngay cho Ban chỉ huy BVR – PCCCR Công ty biết vị trí, mức độ, khả năng đám cháy để phối hợp triển khai chữa cháy.

- Kỹ thuật chữa cháy: Chữa cháy phải kịp thời, khẩn trương, triệt để, khi lửa rừng mới xuất hiện. Đối với đám cháy nhỏ diện tích dưới 01ha và thường đám cháy mặt đất, ngọn lửa lây lan chậm thì dùng ngay phương tiện tại chỗ như: máy thổi gió, bình bơm nước mang vai, rựa, cào cỏ sắt, cành lá cây tươi... để dập lửa khi đám cháy còn nhỏ chưa lan ra diện rộng. Nếu xảy ra đám cháy lớn, thì tiến hành đồng thời như đám cháy nhỏ. Mặt khác phải tiến hành ngay: cắt rừng ngay trước đám cháy có chiều rộng 3-4 m, dùng cào kéo hết vật liệu cháy ra ngoài để hạn chế đám cháy lan rộng.

c) Kế hoạch phòng trừ sinh vật gây hại rừng

Để công tác phòng trừ sâu bệnh hại rừng trồng có hiệu quả, bảo đảm cho các lâm phần rừng trồng ít bị sâu bệnh hại và giảm thiểu thiệt hại ở mức thấp nhất do sâu bệnh gây ra tạo điều kiện cho rừng trồng phát triển bền vững,

- Ngay từ khi thiết kế trồng rừng phải đề ra các giải pháp phòng trừ sâu bệnh hại từ khâu chọn giống, xử lý hạt, làm đất, tạo cây con ở vườn ươm và suốt trong thời kỳ chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi rừng được khai thác.

*** *Kế hoạch thực hiện:***

- Xây dựng giám sát các hoạt động lâm nghiệp thông qua hoạt động giám sát phát hiện vị trí bị sâu bệnh hại và tiến hành xử lý.

- Xây dựng quy trình phòng trừ sâu bệnh hại.

+ Công bố tiêu chuẩn tập đoàn cây trồng lâm nghiệp bảo đảm tăng trưởng nhanh, chống chịu sâu bệnh tốt.

+ Ban hành quy trình tạo cây con vườn ươm để đảm bảo cho cây con trước khi trồng đủ tiêu chuẩn sinh trưởng phát triển tốt có khả năng chống chịu được với sâu bệnh.

+ Quy hoạch tốt đất trồng rừng để đảm bảo “Đất nào cây ấy” với vùng sinh thái thích hợp sẽ tạo cho cây trồng khả năng chống lại được với sâu bệnh.

d) Kế hoạch bảo tồn đa dạng sinh học

- Kế hoạch bảo tồn đa dạng sinh học

Mục đích kinh doanh: Không sử dụng vào mục đích thương mại, không xây dựng cơ sở hạ tầng, không sử dụng hóa chất.

Mục đích sử dụng tại chỗ: Chỉ thu hái một số lâm sản phụ như cây thuốc, nấm... nhưng không được diễn ra trong mùa giao phối, sinh sản.

- Thành phần loài thực vật bậc cao:

Có 529 loài thực vật thuộc 106 họ, 289 chi được ghi nhận tại Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh. Họ Re (Lauraceae) có đa dạng thành phần loài cao nhất với 30 loài. Họ Ba mảnh vỏ (Euphorbiaceae) có đa dạng các chi thực vật nhất với 16 chi.

- Thành phần loài khu hệ động vật có xương sống:

Động vật có vú: 40 loài thú thuộc 30 giống, 16 họ;

Chim: 118 loài chim thuộc 87 giống, 48 họ;

Bò sát: 25 loài bò sát thuộc 16 giống, 6 họ;

Ếch nhái: 26 loài ếch nhái thuộc 16 giống và 06 họ;

Cá nước ngọt: 36 loài cá thuộc 27 giống, 14 họ.

- Thành phần các loài côn trùng:

Có 103 loài côn trùng thuộc 30 họ và 86 giống được ghi nhận tại Công ty Hà Thanh. Họ Bướm nhảy (Hesperiidae) là họ có đa dạng thành phần loài và giống nhất, với 20 loài và 17 giống.

- Tình trạng bảo tồn các loài động, thực vật: Không có loài thực vật bậc cao, động vật có xương sống, côn trùng nào ghi nhận tại Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh được xếp hạng và đánh giá trong Danh lục Đỏ IUCN 2019, Sách Đỏ Việt Nam 2007. Không có loài nào có tên trong phụ lục I, II của Nghị định 06/2019, không có loài nào được liệt kê trong Danh mục động thực vật nguy cấp, quý hiếm tại Nghị định 64/2009.

e) Kế hoạch bảo vệ khu vực hành lang ven suối và khu vực khoanh nuôi

Hiện trạng diện tích khu vực hành lang ven suối, diện tích bảo vệ và diện tích khoanh nuôi theo hướng phục hồi phát triển tự nhiên thể hiện qua bảng sau:

Bảng 01: Hiện trạng hành lang ven suối, khoanh nuôi bảo vệ

Đơn vị: ha

TT	Vị trí			Tổng diện tích	Diện tích bảo vệ, khoanh nuôi	Diện tích hành lang nguồn nước
	Xã	Tiểu Khu	Khoảnh			
1.	Trạm QL BVR Canh Liên			37,2	34,43	2,77
	Canh Liên	346A	4	1,56	1,56	0
	Canh Liên	346A	6	3,49	3,49	0
	Canh Liên	348	8	1,96	1,96	0
	Canh Liên	360	1	1,32	1,3	0,02
	Canh Liên	361	1	26,55	23,8	2,75
	Canh Liên	361	4	0,23	0,23	0
	Canh Liên	361	5	2,09	2,09	0
2.	Trạm QL BVR Hà Đé			219,87	193,17	26,7
	Canh Liên	359A	2	33,71	33,71	0
	Canh Liên	359A	6	68,31	63,11	5,2
	Canh Liên	359B	3	0,18	0,18	
	Canh Liên	359B	4	25,86	21,24	4,62

TT	Vị trí			Tổng diện tích	Diện tích bảo vệ, khoanh nuôi	Diện tích hành lang nguồn nước
	Xã	Tiểu Khu	Khoảnh			
	Canh Liên	359B	5	16,48	12,64	3,84
	Canh Liên	359B	6	7,81	6,84	0,97
	Canh Liên	368	2	19,84	19,84	0
	Canh Liên	368	6	3,78	3,7	0,08
	Canh Liên	372	2	5,8	5,8	0
	Canh Liên	372	3	17,49	17,49	0
	Canh Liên	372	5	13,14	5,57	7,57
	Canh Liên	372	8	0,21	0,21	0
	Canh Liên	378	1	7,26	2,84	4,42
3.	<i>Trạm QLVR Cà Te</i>			35,4	31,74	3,66
	Canh Liên	373	1	1,33	1,33	0
	Canh Liên	373	8	1,33	0,57	0,76
	Canh Liên	373	9	13,05	13,05	0
	Canh Liên	373	7a	12,21	10,19	2,02
	canh Thuận	377A	2	0,2	0,2	0
	Canh Liên	379	1	4,09	3,45	0,64
	Canh Liên	379	2	3,19	2,95	0,24
			Tổng	292,47	259,34	33,13

Nội dung kế hoạch thực hiện các biện pháp bảo vệ hành lang ven suối và khu vực

- Tập huấn cho toàn bộ cán bộ Công ty về việc xác định khu vực xói mòn trong lô trồng rừng, xói mòn dọc hành lang ven suối và xói mòn đường vận xuất, vận chuyên.

- Công ty giữ thực hiện duy trì, bảo vệ hiện trạng các khu vực hành lang ven suối như giữ lớp thảm thực bì, cây bụi, cây bản địa dọc hành lang ven suối;

- Giám sát chặt chẽ việc chăn thả gia súc, rác thải quanh khu vực hành lang, khu vực khoanh nuôi bảo vệ, khu vực có khả năng xói mòn;

- Diện tích khoanh nuôi bảo vệ với các biện pháp lâm sinh như bảo vệ, phòng cháy, chữa cháy rừng, phát dọn dây leo, cây bụi, chặt bỏ cây sâu bệnh;

- Khi xảy ra các trường hợp vi phạm thì các trạm, chốt quản lý bảo vệ rừng báo cáo về Công ty để tổ chức phối hợp với chính quyền địa phương giải quyết

f) Vùng có giá trị bảo tồn cao (không có)

Qua điều tra đánh giá rừng có giá trị bảo tồn cao (HCVF) trên diện tích rừng xin cấp chứng chỉ thì rừng của Công ty quản lý không phải là rừng có giá trị bảo tồn cao.

Qua tham vấn các bên liên quan và phỏng vấn địa phương và người dân công ty không phát hiện ra giá trị bảo tồn cao tồn tại trong diện tích quản lý rừng của công ty.

Do đó trong giai đoạn 2023 công ty không thực hiện xây dựng kế hoạch bảo tồn rừng có giá trị bảo tồn cao.

2. Kế hoạch phát triển rừng

2.1. Kế hoạch phát triển rừng phòng hộ

- Trong năm 2022 công ty đã bàn giao: 30,71 ha rừng trồng phòng hộ về địa phương quản lý.

2.2. Kế hoạch phát triển rừng sản xuất

Trồng và chăm sóc rừng.

* Lựa chọn loài cây trồng;

- Xác định tổng diện tích cần trồng rừng (trồng lại rừng sau khai thác): 314,6ha.

- Mục đích trồng rừng: Cung cấp nguyên liệu sản phẩm đầu vào cho công nghiệp chế biến lâm sản.

- Loài cây trồng: Keo

- Mô tả đặc trưng loài Keo lai: Là loài cây mọc nhanh, chu kỳ ngắn, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến gỗ, giấy, sợi.

Biện pháp kỹ thuật trồng rừng đều tuân thủ đúng quy định của ngành lâm nghiệp từ khâu thiết kế, phê duyệt, trồng và chăm sóc và quản lý bảo vệ.

- Thuyết minh về lựa chọn loài cây:

Thứ nhất: Thị trường tiêu thụ các sản phẩm gỗ Keo lai tương đối ổn định với sản lượng lớn từ nhiều năm nay; dự báo sẽ vẫn thuận lợi trong giai đoạn 10 năm tới.

Thứ hai: Loài Keo lai đã được chứng minh là rất phù hợp với điều kiện lập địa tại khu vực huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định.

Keo lai là sự kết hợp giữa hai loài: keo lá tràm (*Acacia Auriculiormis*) và Keo tai tượng (*Acacia Mangium*) và được tuyển chọn từ những cây đầu dòng có năng suất cao. Cây có nguồn gốc ở Australia, được trồng phổ biến ở Đông Nam Á, ở Việt Nam cây được trồng rộng rãi trên toàn quốc trong những năm gần đây. Cây mọc tốt ở hầu hết các dạng đất, thích nghi nhất là ở các tỉnh từ Quảng Bình trở vào. Cho đến nay, Keo lai đã được khẳng định là loài cây có khả năng chịu đựng được khô hạn, tăng trưởng nhanh và ưu việt hơn Keo lá tràm kể cả trên đất cát nghèo dinh dưỡng. Cây Keo lai có sức sinh trưởng nhanh hơn cây bố mẹ. Nhằm hạn chế tình trạng phân ly của giống lai, Keo lai thường được tạo cây con bằng phương pháp vô tính (giâm hom).

Từ thực tế đó khẳng định cây Keo lai đã trở thành “át chủ bài” trong công tác phát triển rừng trồng của công ty.

- Phương thức trồng rừng: Trồng rừng thâm canh thuần loài.

* Sản xuất cây con:

Kế hoạch sản xuất cây con: 1,6 triệu cây/năm.

Hình thức: Khoán gọn cho một cán bộ của công ty.

Địa điểm vườn ươm: Công ty thuê đất tại khu phố Hiệp Giao, thị trấn Vân Canh.

Diện tích: 2,0 ha.

Sản xuất bằng phương pháp giâm hom, nuôi cấy mô từ cây mô mầm mua từ các đơn vị sản xuất có uy tín đã được các cơ quan có thẩm quyền chứng nhận nguồn gốc.

* **Trồng lại rừng sau khai thác**

Diện tích trồng rừng sản xuất năm 2023 có tham gia chứng chỉ rừng: 271.2 ha, trong đó:

Khu vực Hà Dế: 187,5 ha

+ Diện tích: 101,8 ha (khoảnh 4, 5, 8 tiểu khu 372)

+ Diện tích 65,7 ha (khoảnh 7 tiểu khu 372)

+ Diện tích 20,0 ha (khoảnh 6 tiểu khu 359B; khoảnh 3 tiểu khu 372)

Khu vực Canh Liên: 83,7 ha

+ Diện tích: 83,7 ha (khoảnh 1 tiểu khu 360; khoảnh 1, 2, 7, 8 tiểu khu 361)

Trồng rừng liên doanh với công ty Kong Chro: 171,9 ha (khoảnh 4, 5, 7, 8, 9 tiểu khu 849; khoảnh 6, 8, 9 tiểu khu 850).

*** Chăm sóc rừng: 1.518.53 ha**

Chăm sóc đợt 1 năm 2023: 645,1 ha tại khu vực Hà Dế, Canh Giao, Cà Te, Kong Chro.

Chăm sóc đợt 2 năm 2023: 873,43 ha tại Hà Dế, Canh Giao, Canh Liên, Cà Te, Kong Chro.

Trong năm 2023 công ty dự kiến khu vực sử dụng phân bón như sau

Địa điểm			Diện tích (ha)	Loại phân	Liều lượng (g/hố)	Khu vực	Ghi chú
Tiểu khu	Khoảnh	Lô					
373	7a	b	10.3	Vi sinh	100	Cà Te	Bón thúc
372	4	a	10.2	Vi sinh	100	Hà Dế	Bón lót
372	7	c	6.9	Vi sinh	100	Hà Dế	Bón lót
372	7	g	16.4	Vi sinh	100	Hà Dế	Bón lót
372	8	a	16.8	Vi sinh	100	Hà Dế	Bón lót

- Biện pháp kỹ thuật trồng rừng

- Loài cây trồng: Keo lai (Acacia hybrid).

- Mật độ trồng: Trồng với mật độ trung bình: 2.000 cây/ha. Tùy theo sự chịu ảnh hưởng của gió của các vùng, có thể điều chỉnh mật độ cho phù hợp.

- Bón phân: Thay thế phân bón NPK bằng phân bón hữu cơ.

* **Phương thức trồng:** Thuần loài

* **Phương pháp trồng:** Trồng bằng cây con có bầu.

* **Thời vụ trồng:** Vụ xuân: từ tháng 2 - 4 Dương lịch; vụ thu: từ tháng 7 - 9 Dương lịch.

* **Tiêu chuẩn cây con mang trồng:** Cây giống đạt 2,5 – 4 tháng tuổi kể từ lúc đâm hom; chiều cao > 30 cm, bộ rễ phát triển tốt, có nốt sần, không cong queo, sâu bệnh, không cụt ngọn, hình dáng cân đối và xen kẽ mọc ra ngoài bầu. Cây giống phải được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận nguồn gốc giống của lô cây con.

* **Phương pháp xử lý thực bì:**

+ Đối với diện tích thực hiện đốt thực bì: Sau khi đốt xong nếu có những thân cây còn đứng hoặc cành nhánh, dây leo chưa cháy hết, xếp chồng gây ảnh hưởng đến việc thi công cuốc hố thì phải chặt hạ, băm đập, rải đều trên mặt đất, tuyệt đối không được chặt thành đống mà không xử lý tiếp.

+ Đối với diện tích không thực hiện đốt thực bì: Sau khi phát xong, thực hiện cào dọn thực bì theo băng rộng 2m và chạy dài theo đường đồng mức hoặc dọn theo băng rộng 2m nằm giữa 2 hàng cây bản địa (đối với diện tích trồng rừng hỗn giao với cây trồng bản địa để lại). Thực bì phát dọn phải xếp gọn theo hai bên băng chừa, chiều rộng băng chừa từ 1m – 2m tùy theo mật độ trồng rừng.

*** Phương pháp làm đất và trồng:**

- Làm đất cục bộ; cuốc hố thủ công. Kích thước 40 x 40 x 40 cm. Cuốc hố theo hình nanh sấu để cây tận dụng thức ăn, quang hợp tốt và chống xói mòn, khi cuốc để đất mặt 1 bên, đất củ để 1 bên, lấp hố trước khi trồng từ 10 - 15 ngày; lấp 2/3 hố bằng lớp đất mặt tối nhỏ + phân bón.

- Trồng cây vào ngày râm mát, trước khi trồng dùng cuốc moi đất giữa hố sâu 14-15cm, rộng 14-15 cm vừa đủ đặt bầu cây, nhẹ nhàng rạch vỏ bầu bằng cật nửa hoặc dao nhỏ, gỡ nhẹ túi bầu ra khỏi bầu, đặt cây ngay ngắn giữa hố Lấp đất dần xung quanh bầu cho chặt, lấp đất cao hơn mặt bầu từ 3- 4 cm, sau đó dùng cỏ rác tủ gốc giữ ẩm cho cây. Trong quá trình làm phải hết sức nhẹ nhàng, tránh làm vỡ bầu cây.

- Trồng dặm:

Trồng dặm: sau khi trồng 01 tháng, kiểm tra tỷ lệ sống; nếu tỷ lệ cây sống dưới 85% so với mật độ trồng ban đầu thì phải trồng dặm; Cây trồng dặm phải đạt tiêu chuẩn kỹ thuật như cây trồng chính.

- Biện pháp kỹ thuật chăm sóc rừng

+ Số năm chăm sóc: 3 năm.

+ Số lần chăm sóc/ năm: Số lần chăm sóc: tùy thuộc vào mức độ xâm lấn của thực bì ảnh hưởng đến sinh trưởng của cây trồng để thực hiện số lần chăm sóc phù hợp; trung bình mỗi năm chăm sóc 02 lần.

+ Nội dung chăm sóc rừng trồng:

Năm thứ nhất: Thực hiện 01 lần

Lần thứ 1:

Nội dung công việc: Vun xới đất xung quanh gốc cây trồng theo hình tròn có đường kính từ 0,6 m trở lên; Bón thúc phân hữu cơ liều lượng 0,1kg/; bón thúc được tiến hành cùng với xới đất vun gốc cây.

Năm thứ hai: Thực hiện 02 lần

Lần thứ 1:

Phát toàn diện thực bì, chiều cao gốc phát không quá 15cm, cắt gỡ dây leo quấn quanh cây trồng. Trồng dặm những cây đã chết.

Lần thứ 2:

Phát toàn diện thực bì, chiều cao gốc phát không quá 15cm, cắt gỡ dây leo quấn quanh cây trồng.

Vun xới đất xung quanh gốc cây trồng theo hình tròn có đường kính từ 0,8 m trở lên; Bón thúc: tùy theo đặc điểm sinh trưởng phát triển của rừng để quyết định thời điểm, số lần bón thúc, loại phân bón và khối lượng phân bón; bón thúc được tiến hành cùng với xới đất vun gốc cây.

Năm thứ ba: Thực hiện 02 lần

Lần thứ 1:

Phát toàn diện thực bì, chiều cao gốc phát không quá 15cm, cắt gỡ dây leo quấn quanh cây trồng.

Lần thứ 2:

Phát toàn diện thực bì, chiều cao gốc phát không quá 15cm, cắt gỡ dây leo quấn quanh cây trồng.

- Bảo vệ rừng mới trồng:

+ Tổ chức lực lượng quản lý bảo vệ rừng trồng phù hợp với yêu cầu, kế hoạch từ khi trồng rừng đến khi khai thác.

+ Thực hiện các biện pháp phòng chống gia súc... phá hoại cây trồng, con người chặt phá và các tác nhân tự nhiên khác đối với rừng cho đến khi cây rừng thành thực công nghệ.

- Phòng trừ sâu bệnh hại.

Sau khi trồng phải thường xuyên theo dõi tình hình sâu bệnh hại cây trồng thông qua hoạt động giám sát. Khi phát hiện có sâu bệnh hại phải kịp thời điều trị, tùy theo mức độ mà tiến hành các biện pháp phòng trừ thích hợp sau:

+ Nếu nhiễm sâu bệnh rải rác phải nhổ cây bị nhiễm sâu bệnh thành đồng nhỏ và đốt cháy sạch.

+ Nếu nhiễm sâu bệnh hại tập trung phải phun thuốc, kết hợp với các biện pháp kỹ thuật lâm sinh để phòng trừ.

+ Những nơi xảy ra dịch bệnh phải có kế hoạch theo dõi, lập dự tính, dự báo, chuẩn bị vật tư nhân lực để tiến hành các biện pháp phòng trừ hữu hiệu.

- Phòng chống cháy rừng và các tác nhân gây hại khác:

3. Khai thác lâm sản

3.1. Kế hoạch khai thác lâm sản trong rừng sản xuất là rừng trồng

Xác định diện tích tối đa khai thác trong 1 năm. Theo thông tư 28/2018 bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn ngày 16/11/2018 về việc xây dựng phương án quản lý rừng bền vững

Diện tích khai thác:

Diện tích tối đa khai thác trong 1 năm ($S_{kttđ1năm}$):

$$S_{kttđ1năm} = \frac{\text{Diện tích rừng trồng xin cấp chứng chỉ}}{\text{Chu kỳ kinh doanh rừng trồng (7 năm)}}$$

$$S_{kttđ1năm} = \frac{2.562,93}{7} = 366 \text{ ha}$$

Dựa vào phương pháp xác định diện tích rừng trồng tối đa được khai thác cho thấy để đảm bảo việc khai thác không vượt quá lượng tăng trưởng hàng năm của lâm phần công ty được khai thác tối đa là 366ha/năm. Căn cứ vào tình hình, khả năng sản xuất của công ty, diện tích khai thác hàng năm cho toàn chu kỳ đảm bảo khai thác không vượt quá tăng trưởng hàng năm với việc phân bổ được tổng hợp ở bảng sau:

Kế hoạch khai thác 5 năm giai đoạn 2021-2025, với năm 2023 dự kiến diện tích khai thác là 314.6 ha (*thể hiện tại bảng 2*). Tuy nhiên Công ty đã điều chỉnh diện tích khai thác thấp hơn để đảm bảo về quản lý rừng bền vững cũng như biện pháp lâm sinh phù hợp với lập địa. Do đó diện tích khai thác năm 2023 là: 271.2ha giảm đi 43,4 ha so với kế hoạch dự kiến ban đầu.

Bảng 2: Kế hoạch khai thác giai đoạn 2021 - 2025

Hạng mục	Khai thác giai đoạn 2021-2025				
	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
Diện tích (ha)	222,8	287,1	314,6	352,4	306,9
Sản lượng (m ³)	24.521,30	47.502,6	47.502,6	34.038,00	32.028,50

3.2. Những cơ sở và kỹ thuật xây dựng kế hoạch khai thác

- Xác định chu kỳ khai thác theo loài cây: 7 năm
- Chọn đối tượng rừng đưa vào khai thác: Keo lai
- Tỷ lệ lợi dụng gỗ, củi: 75- 80 %.
- Loại sản phẩm, quy cách sản phẩm: Gỗ nguyên liệu giấy và gỗ gia dụng.
- Kỹ thuật và công nghệ theo tiêu chuẩn khai thác tác động thấp.
- Kế hoạch cho một chu kỳ.

+ Năm 2023:

Khai thác 271.2 ha; Trong đó diện tích trong vùng cấp chứng chỉ là: 271.2 ha.

Diện tích ngoài vùng chứng chỉ rừng (liên doanh với Công ty Kong Chro) là 179,1 ha

+ Năm 2024:

Khai thác 352,4 ha; Trong đó diện tích trong vùng cấp chứng chỉ là: 352,4 ha.

Phân bố tại khu vực: * Canh Giao: 126,8 ha.

* Canh Liên: 225,6 ha.

+ Năm 2025:

Khai thác 260,72 ha; Trong đó diện tích trong vùng cấp chứng chỉ là: 260,72 ha.

Phân bố tại khu vực: * Canh Giao: 151,22 ha.

* Canh Liên: 109,5 ha.

3.3. Tổ chức khai thác, tiêu thụ sản phẩm

Công ty tự thiết kế khai thác sau đó bán đấu giá tiêu thụ và đấu giá chi phí khai thác để thực hiện.

- Tiêu thụ dưới hình thức bán đấu giá công khai rộng rãi.
- Tiêu thụ trong tỉnh và mở rộng các tỉnh lân cận.

- Gỗ rừng trồng được doanh nghiệp thu mua kiểm tra chất lượng và quyết định mua tại rừng, Sau khi tiến hành khai thác Keo được người khai thác bóc vỏ tại chỗ và vận chuyển xuống các bãi gỗ để kiểm tra và vận chuyển về kho.

- Sản phẩm sau khi khai thác, nghiệm thu, dán nhãn theo quy định của FM/CoC. Quá trình vận chuyển từ nơi khai thác đến nhà máy chế biến được thực hiện theo quy trình, vận chuyển và giám sát theo quy trình của chuỗi hành trình sản phẩm CoC.

- Tiến hành thu mua: Việc bán sản phẩm của Công ty sẽ được minh chứng bằng các hợp đồng giao dịch trong đó thể hiện đầy đủ các thông tin mua bán, khối lượng từng loại...

Hiện nay công ty có 7 đối tác là công ty thu mua sản phẩm và sử dụng để sản xuất sản phẩm FSC - CoC có 7 công ty đó là:

+ Công ty cổ phần chế biến Lâm Sản Hà Thanh – Mã số chứng chỉ FSC SGSHK – CoC: 370425.

+ Công ty cổ phần PISICO – Hà Thanh. Mã số chứng chỉ FSC SGSHK – CoC: 010911.

+ Công ty TNHH thương mại dịch vụ Minh Phước. mã số chứng chỉ FSC SGS – CoC: 006494.

+ Công ty cổ phần Phước Hưng mã số chứng chỉ FSC SGSHK – CoC: 001325.

+ Công ty TNHH Đức Hải. Mã số chứng chỉ FSC SA-CoC- 006967.

+ Công ty TNHH Hưng Nguyệt Anh: Mã số chứng chỉ NC-CoC – 068124.

+ Công ty Tâm Phú: Mã số chứng chỉ SCS-CoC – 006927

+ Công ty Trường sơn: Mã số chứng chỉ FSC SGSHK – CoC: 002381

3.4. Giám sát chuỗi hành trình sản phẩm FM/CoC

3.4.1. Quản lý chất lượng:

- Ban thực hiện chứng chỉ QLRBV theo tiêu chuẩn FSC Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh phải định rõ người/vị trí trách nhiệm để thực hiện hệ thống kiểm soát CoC.

- Tất cả các thành viên liên quan phải chứng minh được sự nhận thức về các quy định và khả năng của công ty trong việc thực hiện hệ thống kiểm soát CoC.

- Hướng dẫn về quy định làm việc của Ban phải đưa ra được sự kiểm soát có hiệu quả các sản phẩm rừng có chứng chỉ của FSC rồi được vận chuyển ra đến cửa rừng.

+ Các quy định đối với sự tách riêng và nhận dạng tự nhiên những nguyên liệu có chứng chỉ của FSC từ những nguyên liệu không được chứng chỉ của FSC.

+ Các quy định đảm bảo rằng nguyên liệu không được Chứng chỉ của FSC không được đại diện như là nguyên liệu có chứng chỉ của FSC trong các giấy tờ vận chuyển và bán

+ Các quy định đối với việc bán các sản phẩm có chứng chỉ của FSC bao gồm mã đăng ký chứng chỉ FSC của công ty và khai báo FSC (thuần túy FSC) trong tất cả tài liệu vận chuyển và bán.

+ Các thủ tục hồ sơ ghi chép để đảm bảo tất cả các hồ sơ áp dụng liên quan sản xuất và bán sản phẩm có chứng chỉ của FSC (thí dụ tóm tắt khai thác, tóm tắt mua bán, hóa đơn, vận đơn) được lưu trữ tối thiểu là 5 năm.

+ Các thủ tục để đảm bảo sự tuân thủ với tất cả các yêu cầu sử dụng thương hiệu của FSC/ (GFA) có thể áp dụng.

3.4.2. Sự tách riêng và buôn bán nguyên liệu được chứng chỉ

Ban thực hiện chứng chỉ QLRBV theo tiêu chuẩn FSC Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh cần có hệ thống kiểm soát CoC tại chỗ để tránh trộn lẫn nguyên liệu có chứng chỉ của FSC với sản phẩm chưa được chứng chỉ của FSC từ những khu rừng được đánh giá bao gồm: Tách riêng và nhận dạng tự nhiên các nguyên liệu có chứng chỉ của FSC và không có chứng chỉ của FSC; Một hệ thống đảm bảo rằng nguyên liệu không có chứng chỉ của FSC không đại diện như nguyên liệu có chứng chỉ của FSC ở trong các chứng minh bằng tài liệu bán và vận chuyển.

- Ban thực hiện chứng chỉ QLRBV theo tiêu chuẩn FSC Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh đảm bảo nguyên liệu được chứng chỉ không được trộn lẫn nguyên liệu không được chứng chỉ của FSC tại bất kỳ giai đoạn nào, cho đến khi bán nguyên liệu.

Việc tách riêng nguyên liệu có chứng chỉ được thực hiện theo quy trình kiểm soát chuỗi hành trình sản phẩm FM/CoC

3.4.3. Lưu trữ hồ sơ bán có chứng chỉ:

- Đối với nguyên liệu được bán với khai báo FSC thì Ban FSC kèm các dẫn chứng bằng tài liệu về thông tin bán và vận chuyển sau: Mã số đăng ký chứng chỉ FSC của nhóm và khai báo được chứng chỉ: Keo lai FSC thuần túy.

- Ban FSC lưu trữ các hồ sơ liên quan sản xuất và bán Keo lai có chứng chỉ (các hóa đơn bán, phiếu xuất kho, sử dụng thương hiệu phù hợp được phê duyệt) tối thiểu là 5 năm. Các tài liệu và hồ sơ được giữ bởi Ban thực hiện chứng chỉ QLRBV theo tiêu chuẩn FSC Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh để dễ dàng cho sự kiểm tra trong khi đánh giá.

4. Tập huấn, đào tạo nguồn nhân lực

Nhu cầu và kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực (bao gồm cả nhà thầu và nhà thầu phụ)

- Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực:

+ Nội dung đào tạo: Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức quản lý, tay nghề lao động:

Trước hết cần tập trung vào việc nâng cao trình độ, kỹ năng cho người lao động; triển khai chương trình đào tạo nâng cao, đào tạo lại cho các thành viên trong Ban thực hiện chứng chỉ rừng FSC.

+ Bồi dưỡng nâng cao trình độ tay nghề tại chỗ cho tất cả cán bộ công nhân viên và người lao động tham gia sản xuất của công ty, các thành viên trong ban thực hiện chứng chỉ rừng FSC có trách nhiệm truyền đạt các kỹ năng làm việc, các kiến thức chuyên môn cần thiết và kinh nghiệm xử lý các tình huống trong công việc cho người lao động mình quản lý;

+ Hình thức đào tạo: Mở các lớp tập huấn

5. Xây dựng hạ tầng phục vụ quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng

- Duy tu bảo dưỡng các tuyến đường lâm nghiệp phục vụ vận chuyển, vận xuất, dự kiến 43,5 km

+ Mặt đường rộng 3,5m.

+ Độ sâu nền đường cần tu sửa: 0,2m.

+ Đất cấp III.

+ Công việc duy tu, sửa chữa chủ yếu dùng bằng máy.

Hoạt động duy tu, bảo dưỡng các tuyến đường lâm nghiệp đều được thực hiện giám sát nhằm giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường

6. Hoạt động dịch vụ cho cộng đồng

a) Dự kiến các dịch vụ cho cộng đồng

- Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp.

- Khai thác gỗ.

b) Hình thức tổ chức thực hiện

- Tham gia các hoạt động sản xuất lâm nghiệp

Thông qua các hoạt động sản xuất lâm nghiệp, Công ty sẽ tạo điều kiện việc làm và thu nhập cho các hộ dân trong vùng.

Về bảo vệ rừng tự nhiên: Thông qua lực lượng chuyên trách được tổ chức thành các trạm, chốt quản lý kinh doanh rừng, các tổ đội cơ động; cụ thể là trạm QLБVR Canh Liên, trạm QLБVR Hà Dế, trạm QLБVR Canh Giao và trạm QLБVR Cà Te và chốt QLБVR tự nhiên Sông Bung. Đồng thời phối hợp với các làng trong vùng dự án thông qua các hợp đồng phối hợp ký thẳng với BQL làng để bảo vệ rừng tự nhiên.

Thông qua các hoạt động trồng, chăm sóc, khai thác rừng của công ty hàng năm thu hút khoảng 100.000 ngày công lao động giải quyết đáng kể lao động phổ thông nhàn rỗi tại địa phương, tăng thêm thu nhập cho hộ dân, góp phần xóa đói giảm nghèo, phát triển nông thôn miền núi.

Với tính chất công việc mà Công ty dự kiến thuê phù hợp với trình độ lao động phổ thông hiện tại của người dân trên địa bàn, đã phần nào giải quyết được việc làm và nâng cao thu nhập của họ, gắn cuộc sống của họ với rừng nơi đây.

Với các hoạt động lâm nghiệp cộng đồng: Hằng năm công ty đều hỗ trợ địa phương xây nhà tình nghĩa, tình thương, ủng hộ các Quỹ “phòng chống thiên tai”, tham gia hỗ trợ ủng hộ công tác phòng chống covid -19. Công ty sẽ thực hiện đúng vai trò của mình là một đơn vị doanh nghiệp đứng chân trên địa bàn, thực sự là bà đỡ cho đời sống người dân nơi đây, cùng với chính quyền địa phương tham gia vào công tác xóa đói giảm nghèo cho các hộ dân, xây dựng nông thôn mới theo chủ trương chung của Đảng và Nhà nước.

- Chia sẻ lợi ích từ rừng

Sự tham gia của người dân, cộng đồng là một trong những yếu tố căn bản giúp cho việc quản lý rừng bền vững được tốt hơn. Kinh nghiệm thực tế cho thấy: Cộng đồng là người trực tiếp tác động đến tài nguyên rừng theo hai hướng tích cực và tiêu cực, được hưởng lợi từ rừng đồng thời cũng chịu tác động do suy thoái rừng. Trong quản lý rừng, cộng đồng là lực lượng trực tiếp quyết định đến việc thành công của việc bảo vệ và phát triển rừng, là nhân tố ảnh hưởng quan trọng trong tiến trình quản lý rừng bền vững.

Về phía Công ty:

Thực hiện ký kết hợp đồng với các làng trong công tác quản lý bảo vệ rừng và thực hiện chi trả theo đúng như hợp đồng đã ký kết.

Về phía người dân, cộng đồng:

Thực hiện đầy đủ các điều khoản, quyền lợi và nghĩa vụ ghi hợp đồng quản lý bảo vệ rừng.

7. Hoạt động chi trả dịch vụ môi trường rừng, thuê môi trường rừng

- Số tiền thu từ dịch vụ môi trường rừng đơn vị sử dụng trang trải cho các hạng mục tái bảo vệ và phát triển rừng gồm chi cho công tác quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng, chi công tác tuần tra quản lý, mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác QL BV R, chi lương cho lực lượng bảo vệ rừng,

8. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ, phát triển rừng

Đa dạng hóa hình thức tuyên truyền như: tư vấn, hướng dẫn tìm hiểu Pháp luật; cung cấp thông tin, tài liệu Pháp luật cho các phương tiện thông tin đại chúng; tổ chức các cuộc thi; lồng ghép trong các hoạt động văn hóa, văn nghệ, sinh hoạt chính trị... nhằm phổ biến các chủ trương, đường lối của Đảng và Pháp luật của Nhà nước về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng như:

Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12-1-2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng;

Luật Lâm nghiệp năm 2017; Luật đất đai năm 2013; Luật Xử lý vi phạm hành chính; Luật Phòng cháy, chữa cháy...

Nghị định 156/2018/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

Các thông tư, Quyết định liên quan đến pháp luật bảo vệ và phát triển rừng.

VI. KẾ HOẠCH GIÁM SÁT

Xây dựng quy định giám sát các hoạt động lâm nghiệp trong đó

- Phân cấp giám sát theo các cấp công ty, cấp trạm.
- Tỷ lệ giám sát
- Nội dung, tiêu chí giám sát
- Báo cáo giám sát

Trong năm 2023 công ty tiếp tục theo dõi giám sát tình hình bón phân hữu cơ trong giai đoạn trồng rừng.

(Chi tiết được thể hiện tại Quy định số 32/QT-LNHT ngày 23/1/2021 về việc giám sát các hoạt động lâm nghiệp tại công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh)

1.1. Giám sát năng suất, sản lượng rừng.

Việc giám sát năng suất rừng trồng hàng năm phải xác định cho được kích thước, mật độ cây và lượng tăng trưởng rừng của mỗi đơn vị diện tích của từng năm tuổi, loài cây trồng, từ đó xác định được lượng tăng trưởng trừ lượng gỗ từng lô và tổng lượng tăng trưởng trừ lượng hàng năm của đơn vị.

- Đo đếm ngoại nghiệp: Thực hiện tháng 12 hàng năm.
- Tính toán nội nghiệp: Trong thời gian tháng 01 năm sau.
- Báo cáo gửi Ban giám đốc công ty vào tháng 01 hàng năm và công khai kết quả giám sát; báo cáo phải thể hiện rõ đồ thị hoặc biểu đồ tăng trưởng của loài Keo lai.

Báo cáo yêu cầu phân tích rõ tăng trưởng rừng về khối lượng, từng năm trồng, đánh giá rõ tỷ lệ cây sống, tình hình sâu bệnh hại, công tác quản lý bảo vệ; các yếu tố ảnh hưởng đến sinh trưởng như giống, kỹ thuật, phân bón, sâu bệnh hại, thời tiết, lập địa; đề xuất các biện pháp quản lý, tác động trong năm hoặc thời gian tiếp theo; đề

xuất loài cây trồng trên từng lô rừng hoặc dạng lập địa cũng như biện pháp kỹ thuật lâm sinh tác động.

- Bộ phận thực hiện: Ban thực hiện chứng chỉ rừng FSC Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh.

1.2. Trồng và chăm sóc:

Giám sát các biện pháp kỹ thuật trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng theo đúng quy trình, quy phạm.

Thực hiện giám sát trước, trong và sau khi trồng rừng.

+ Giám sát thường xuyên: Ban thực hiện chứng chỉ rừng FSC Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh sẽ tiến hành giám sát thường xuyên để có thể dự báo xem có hiện tượng sâu bệnh hại xuất hiện, để có biện pháp phòng trừ kịp thời

+ Giám sát thông qua báo cáo của các trạm bảo vệ rừng.

+ Thực hiện giám sát 100% số lô trồng rừng ở cả 3 giai đoạn: trước khi trồng rừng, trong khi trồng rừng và sau khi trồng rừng.

1.3. Khai thác:

Giám sát kỹ thuật, các trình tự thủ tục khai thác rừng đúng theo quy trình yêu cầu và theo quy trình khai thác rừng trồng tác động thấp.

Giám sát trước, trong và sau khi thực hiện khai thác. Thực hiện giám sát 100% số lô thực hiện.

1.4. Giám sát tác động môi trường

Giám sát tác động môi trường trước, trong và sau hoạt động trồng rừng

Giám sát tác động môi trường trước, trong và sau hoạt động khai thác

Giám sát tác động môi trường của hoạt động bảo dưỡng, làm mới đường lâm nghiệp.

Giám sát hành lang ven suối và khu vực bảo vệ, khu vực khoanh nuôi bảo vệ.

1.5. Giám sát tác động xã hội.

- Kế hoạch trồng rừng, khai thác rừng:

Tác động của hoạt động quản lý đến cộng đồng người dân địa phương, người dân tộc sống gần rừng của công ty.

Giám sát nhân công lao động tuân thủ theo ILO, luật lao động (nhận lương bình đẳng theo giới tính, không sử dụng lao động dưới 18 tuổi, đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động theo luật bảo hiểm, giám sát an toàn lao động, ...)

Thực hiện giám sát tác động xã hội đối với 2 hoạt động trồng rừng và khai thác rừng được tiến hành trước, trong và sau khi bắt đầu, kết thúc 2 hoạt động này. Để phát hiện các tác động tiêu cực đến cộng đồng dân cư, người dân tộc sống gần khu vực khai thác, trồng rừng của công ty.

- Thực hiện các nghĩa vụ xã hội khác:

Hỗ trợ kinh phí duy tu, bảo dưỡng đường giao thông nông thôn; tham gia ủng hộ các quỹ từ thiện, nhân đạo do địa phương phát động. Đồng thời thực hiện tốt công tác dịch vụ cây giống và chuyển giao kỹ thuật trồng rừng cho người dân địa phương.

VII. TẬP HUẤN ĐÀO TẠO

Trong năm 2023 Công ty TNHH LN Hà Thanh dự kiến tổ chức các lớp tập huấn dựa trên các căn cứ sau:

- Căn cứ vào kết quả giám sát phát hiện lỗi không tuân thủ.
- Các lớp thường niên nhằm nâng cao năng lực quản lý và thực hiện chứng chỉ rừng cho cán bộ công ty và nhà thầu.

Căn cứ vào các kết quả trên trong năm 2023 công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh đề xuất các lớp tập huấn như sau:

TT	Tên các lớp tập huấn	Thời gian	Đối tượng
1	Tập huấn về an toàn lao động trong các hoạt động lâm sinh	Tháng 4	Cán bộ công ty, nhà thầu
2	Tập huấn về giám sát chuỗi hành trình sản phẩm	Tháng 4	Cán bộ công ty, nhà thầu
3	Tập huấn về bảo vệ hành lang ven suối và khắc phục xói mòn	Tháng 3	Cán bộ công ty, các nhà thầu liên quan

+ **Hình thức tập huấn: tập huấn tập trung bao gồm các lớp về lý thuyết và thực hành. Có thể lựa chọn hình thức tập huấn online qua các phần mềm như (zoom,..).**

VIII. NHU CẦU VỐN VÀ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ NĂM 2023

1. Tổng hợp nhu cầu vốn cho kế hoạch quản lý rừng bền vững

Tổng vốn đầu tư: **30.295.000.000** đồng (Viết bằng chữ: Ba mươi tỷ, hai trăm chín mươi lăm triệu đồng chẵn), chi tiết theo biểu sau:

STT	Hạng mục	Thành tiền (đồng)
A	Chi phí trực tiếp	20.062.000.000
I	Bảo vệ rừng	4.342.000.000
1	Bảo vệ rừng tự nhiên SX	3.991.000.000
2	Bảo vệ rừng trồng SX	351.000.000
II	Phát triển rừng	15.300.000.000
1	Trồng lại rừng sau khai thác và chăm sóc rừng SX	15.300.000.000
III	Xây dựng cơ sở hạ tầng	80.000.000
1	Đường ranh cản lửa	30.000.000
2	Tu bổ và duy trì HLBV ven suối	50.000.000
IV	Chi phí giám sát	100.000.000
V	Duy trì chứng chỉ	240.000.000
B	Chi phí chung	2.000.000.000
D	Chi phí quản lý	5.000.000.000
F	Khấu hao tài sản	233.000.000
G	Chi phí lãi vay	3.000.000.000
	Tổng vốn đầu tư	30.295.000.000

2. Nguồn vốn đầu tư:

Tổng vốn đầu tư: **30.295.000.000** đồng; trong đó:

- Vốn tự có: **23.604.000.000** đồng;

Nguồn vốn này từ hoạt động kinh doanh, khai thác rừng trồng sản xuất. Đây là nguồn vốn thu được từ hoạt động kinh doanh rừng trồng sản xuất của công ty. Bao gồm nguồn thu từ hoạt động khai thác gỗ rừng trồng và hoạt động ươm tạo cây giống (Ước tính toàn giai đoạn là: 70.200.000.000 đồng). Toàn bộ nguồn thu này sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế với Nhà nước, chi trả lương cho cán bộ công nhân của công ty và các khoản chi phí chung khác của công ty, sẽ được đầu tư lại cho công tác bảo vệ, phát triển rừng và xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng.

- Nguồn vốn vay: 2.700.000.000 đồng

- Nguồn ngân sách nhà nước dành cho hoạt động bảo vệ rừng tự nhiên là rừng sản xuất và bảo vệ rừng trồng là: **3.991.000.000** đồng.

3. Kế hoạch vay và trả nợ ngân hàng

Do doanh thu từ các hoạt động sản xuất kinh doanh và cung cấp dịch vụ qua các năm sau khi trừ thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản chi phí bao gồm: chi phí bảo vệ, phát triển rừng, khai thác rừng trồng sản xuất, lương, thưởng cho cán bộ công nhân và người lao động; tiền trả nợ gốc, lãi ngân hàng. Công ty vẫn còn có lãi do đó tiền vay ngân hàng năm nào, cuối năm đều trả hết cả gốc và lãi. Số còn lại Công ty sẽ được đầu tư lại cho công tác bảo vệ, phát triển rừng và xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng.

Phân kỳ vốn vay

Năm sử dụng	Tổng số tiền vay	Chia theo thời gian thực hiện			
		Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
2023	2.700.000.000			2.700.000.000	
Tổng	2.700.000.000			2.700.000.000	

Tổng lãi vay và kế hoạch trả nợ gốc tính đến thời điểm 31/12/2023

Năm	Số tiền vay	Thời gian vay (tháng)	Lãi suất vay (%/năm)	Tiền lãi kết toán cuối năm	KH trả nợ gốc
Năm 2023	30.000.000.000	12	8,5%	2.550.000.000	3.000.000.000
Cộng	30.000.000.000			2.550.000.000	3.000.000.000

VII. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**1. Giải pháp về công tác quản lý, nguồn nhân lực**

- Bộ máy quản lý được bố trí hợp lý, đảm bảo thực hiện có hiệu quả

- Xác định chức năng nhiệm vụ cụ thể của từng phòng ban, đơn vị phân công phụ trách công việc phù hợp với yêu cầu sản xuất và trình độ khả năng từng người trong thực hiện công tác quản lý bảo vệ, phát triển vốn rừng và tổ chức sản xuất kinh doanh.

- Các hoạt động kinh doanh, sản xuất, tài chính đều được công khai đến người lao động, bảo đảm minh bạch và thu hút sự tham gia của họ trong cải thiện quản lý bộ máy, nhân lực và tài nguyên rừng.

- Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cho tổ công tác chứng chỉ rừng, đáp ứng được công việc tự đánh giá về các tiêu chí, nguyên tắc và chỉ số trong các bộ tiêu chí quản lý rừng bền vững.

- Đội ngũ này sẽ hướng dẫn cho chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân về kỹ thuật trồng, chăm sóc, nuôi dưỡng; khai thác lợi dụng rừng theo các tiêu chí quản lý rừng bền vững.

2. Giải pháp về phối hợp với các bên liên quan

- Công ty thực hiện phối hợp với các bên liên quan trong công tác quản lý, tham các bên liên quan về quản lý rừng bền vững của công ty nhằm có thể đề cải thiện hệ thống quản lý cho phù hợp và giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường và xã hội

- Công ty cần thảo luận với các thôn có áp lực cao đến trung bình để thống nhất sự tham gia của họ và xây dựng quy ước quản lý sử dụng rừng bền vững; cho phép sử dụng các loại lâm sản ngoài gỗ thông thường theo các vùng được xác định theo quy hoạch.

- Tổ chức nâng cao nhận thức, giáo dục môi trường trong cộng đồng để hạn chế khai thác các loài quý hiếm, động vật hoang dã.

3. Giải pháp về khoa học, công nghệ

- Xác định cây trồng rừng tham gia dự án là các giống Keo lai sử dụng phương pháp nhân giống bằng công nghệ nuôi cấy mô đối với diện tích trồng mới, trồng lại.

- Tìm hiểu để chọn đưa một số dòng Keo lai có tốc độ sinh trưởng nhanh, chất lượng gỗ tốt, phù hợp với thị hiếu thị trường đồng thời khả năng chống chịu tốt nhất là gió bão, nắng nóng.

- Khuyến khích kinh doanh theo hướng rừng gỗ lớn.

4. Giải pháp về nguồn vốn, huy động nguồn vốn đầu tư

- Thực hiện chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định 116/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định 55/2015/NĐ-CP.

- Diện tích rừng trồng đưa vào khai thác trắng, sau khi trừ chi phí còn lại sẽ đầu tư lại trồng rừng, nuôi dưỡng rừng trồng và khoanh nuôi xúc tiến tái sinh.

- Nguồn kinh phí đầu tư bao gồm nguồn vốn tự cân đối của đơn vị, nguồn khấu hao tài sản, quỹ đầu tư phát triển.

- Nguồn vốn đầu tư cho phát triển rừng tập trung chủ yếu theo kế hoạch thực hiện nhiệm vụ công ích bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước và sẽ được duy trì ổn định.

- Tạo liên kết với những doanh nghiệp có tiềm lực để đầu tư phát triển sản xuất và vay ưu đãi để đầu tư cho công tác kinh doanh nhằm tạo ra lợi nhuận để tái đầu tư phát triển rừng.

- Công ty chủ động liên doanh, liên kết với các thành phần kinh tế nhằm tăng cường hiệu quả sử dụng đất được nhà nước cho thuê.

- Tích cực tìm kiếm các nguồn vốn tài trợ của các dự án để xây dựng và thực hiện được cấp chứng chỉ rừng quốc tế về quản lý rừng bền vững. Xây dựng phương án quản lý rừng bền vững là hết sức quan trọng nhằm xác định các biện pháp cơ bản trong quản lý phát triển tài nguyên rừng bền vững, nâng cao hiệu quả sử dụng rừng, thu hút nguồn lực, đầu tư để tái tạo lại rừng, tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương, xóa đói giảm nghèo, nâng cao từng bước đời sống cho nhân dân trong vùng.

- Có kế hoạch về chi phí liên quan đến việc phòng ngừa, giảm thiểu hoặc đền bù cho các tác động tiêu cực về môi trường và xã hội.

5. Giải pháp về thị trường.

- Tăng cường sự hợp tác, liên doanh - liên kết với các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh để cung cấp nguyên liệu, vật tư, gia công, tiêu thụ sản phẩm.
- Tăng cường các biện pháp tìm kiếm và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, đa dạng hoá sản phẩm tinh chế để đáp ứng nhu cầu của thị trường.
- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, hạ giá thành sản phẩm, tiêu thụ hết sản phẩm làm ra.

6. Giải pháp khác

- Đối với công tác QLBRV, cần có sự phối hợp đồng bộ, chặt chẽ giữa đơn vị chủ rừng, các ngành chức năng và chính quyền địa phương. Có biện pháp xử lý kịp thời, kiên quyết các đối tượng vi phạm Luật Lâm nghiệp, không phân biệt đối tượng vi phạm, nhằm phát huy tính răn đe, giáo dục và thể hiện tính nghiêm minh của Pháp luật, như vậy mới phát huy hiệu quả công tác bảo vệ rừng. Thu hút sự tham gia nhiều nhất của cộng đồng trong quản lý bảo vệ rừng và chi trả dịch vụ môi trường rừng.
- Xác định mục đích kinh doanh gỗ lớn là chính, vì vậy từng bước chuyển từ sản xuất kinh doanh gỗ nhỏ sang thực hiện kinh doanh gỗ lớn và lâm sản ngoài gỗ; chú trọng kinh doanh gỗ rừng trồng bằng các giải pháp lâm sinh hợp lý như khai thác trắng rừng trồng, trồng lại rừng chu kỳ 2 sau khai thác trắng.

III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

“Phương án Quản lý rừng bền vững Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh năm 2023” được xây dựng dựa trên cơ sở những nguồn tài liệu tin cậy, số liệu điều tra hiện trường, kết quả giám sát các hoạt động FSC của công ty, kết quả tham vấn các bên liên quan, đồng thời thực hiện trên cơ sở những văn bản, hướng dẫn, quy chế về quản lý rừng, các giải pháp kỹ thuật lâm sinh, khai thác gỗ và lâm sản, định mức kinh tế kỹ thuật hiện hành. Phương án xây dựng đã đảm bảo các nguyên tắc cơ bản của Quản lý rừng bền vững. Về nội dung của phương án đã đảm bảo đúng theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, phù hợp với Đường lối, Chủ trương, Chính sách của Nhà nước. Do vậy, đây là báo cáo có đủ căn cứ khoa học và thực tiễn đáp ứng được nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty trong thời gian tới.

Việc thực hiện phương án nhằm khắc phục một số tồn tại cơ bản và quản lý bảo vệ và sử dụng hiệu quả tài nguyên rừng, hỗ trợ kỹ thuật cho người dân, tạo thêm việc làm cho lao động địa phương tham gia thông qua các hoạt động trồng rừng, bảo vệ rừng, làm giàu rừng,... Góp phần nâng cao đời sống kinh tế, ổn định cuộc sống cho đồng bào dân tộc thiểu số, người dân địa phương nhằm đạt mục tiêu quản lý bền vững nguồn tài nguyên rừng của Công ty.

Phương án QLBRV của công ty năm 2023 đã được xây dựng bám sát các nguyên tắc của FSC và có một số điều chỉnh đến kế hoạch quản lý năm 2023 từ các kết quả đánh giá, tham vấn và giám sát.

- Phương án đã xác định rõ mục tiêu, nội dung các kế hoạch và giải pháp thực hiện cho từng hoạt động lâm nghiệp của công ty trong năm 2023, phù hợp với nguồn lực, năng lực của công ty và cộng đồng địa phương.

2. Đề nghị

Để tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình triển khai thực hiện phương án quản lý rừng bền vững, Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh đề nghị:

- Các phòng ban, cấp trạm nghiêm túc thực hiện phương án quản lý rừng bền vững của công ty đã ban hành.

- Nguồn huy động vốn để thực hiện phương án được cân đối từ tổng các hoạt động khai thác rừng, dịch vụ môi trường, kinh phí nhà nước đặt hàng công ích... và các nguồn quỹ của đơn vị, do vậy các hoạt động này phải được duy trì ổn định hàng năm theo kế hoạch đã được xây dựng và phê duyệt để phương án quản lý rừng bền vững có thể thực hiện được.

BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Phan Văn Tuấn